VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**DƯƠNG VĂN ĐỨC**

# CHỨNG THỰC CỦA UBND PHƯỜNG TỪ THỰC TIỄN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**
**LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HÀNH CHÍNH**

**HÀ NỘI - 2018**

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**DƯƠNG VĂN ĐỨC**

# CHỨNG THỰC CỦA UBND PHƯỜNG TỪ THỰC TIỄN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính
Mã số: 8.38.01.02

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. VŨ THƯ

**HÀ NỘI - 2018**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn là công trình nghiên cứu khoa học, độc lập của tôi; các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.

*Hà Nội, ngày tháng năm 2018*

**TÁC GIẢ LUẬN VĂN**

**Dương Văn Đức**

# MỤC LỤC

**MỞ ĐẦU** ..... 1
**Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHỨNG THỰC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG** ..... 6
1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò chứng thực của Uỷ ban nhân dân phường ..... 6
1.2. Điều chỉnh pháp luật về chứng thực Ủy ban nhân dân phường ..... 18
1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động chứng thực của Ủy ban nhân dân phường ..... 25
**Chương 2: THỰC TRẠNG CHỨNG THỰC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ..... 29
2.1. Các đặc điểm của hoạt động chứng thực của Ủy ban nhân dân phường quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội ..... 29
2.2. Các quy định pháp luật về chứng thực của Ủy ban nhân dân phường ..... 34
2.3. Thực tiễn chứng thực Ủy ban nhân dân phường tại quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội ..... 46
**Chương 3: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CHẤT LƯỢNG CHỨNG THỰC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG** ..... 61
3.1. Quan điểm tăng cường chất lượng chứng thực của Ủy ban nhân dân phường ..... 61
3.2. Các giải pháp tăng cường chất lượng chứng thực của Ủy ban nhân dân phường ..... 64
**KẾT LUẬN** ..... 79
**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trước đây hoạt động công chứng, chứng thực được thực hiện hầu hết ở các Phòng công chứng nhà nước, các Văn phòng công chứng tư nhân và Phòng tư pháp cấp huyện dẫn đến tình trạng các cơ quan này thường xuyên quá tải và có nhiều khó khăn, bất cập đối với cá nhân, tổ chức khi có nhu cầu công chứng, chứng thực. Theo đó, các cơ quan đại diện, các Phòng công chứng Nhà nước, các văn phòng công chứng tư nhân, Phòng tư pháp cấp huyện, Ủy ban nhân dân (UBND) xã cùng tham gia lĩnh vực này. Song các quy định của pháp luật về chứng thực cũng có phân định rất rõ ràng thẩm quyền của từng chủ thể thực hiện lĩnh vực này. Mốc quan trọng đánh dấu sự phân chia thẩm quyền và tách bạch hoạt động công chứng và chứng thực là sự ra đời của Luật công chứng năm 2006 và Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính Phủ; tiếp đến là Luật Công chứng năm 2014 và Nghị định số 23/2015/NĐ- CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ số gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch thay thế Nghị định số 79/2007/NĐ- CP. Thành tựu trên đã chứng tỏ rằng Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến hoạt động công chứng, chứng thực. Với quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Luật công chứng năm 2014 thì thời gian giải quyết chứng thực được rút ngắn đến mức tối đa, thẩm quyền thực hiện chứng thực cũng được mở rộng, theo đó cá nhân, tổ chức có thể tùy ý lựa chọn cơ quan có thẩm quyền yêu cầu chứng thực văn bản, giấy tờ phục vụ cho công việc của mình một cách thuận tiện nhất. Bên cạnh những chuyển biến tích cực trong hoạt động chứng thực hiện nay vẫn còn tồn tại một số bất cập, hạn chế đó là: Tình trạng hoạt động chứng thực còn tản mạn, chắp vá, chưa thống nhất đồng bộ một số quy định về thẩm quyền; Thủ tục chứng thực, các việc cụ thể còn chưa phù hợp; Việc thực hiện

liên thông các thủ tục hành chính trong việc chứng thực có nhiều bất cập… Tồn tại hạn chế này xuất phát từ nguyên nhân do chưa có đạo luật chuyên ngành điều chỉnh hoạt động chứng thực (chưa có Luật Chứng thực).

Nam Từ Liêm là một quận mới thành lập của thành phố Hà Nội được chia tách từ huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, là một trong những quận nằm trong quy hoạch trở thành lõi đô thị của thành phố Hà Nội nên tốc độ phát triển về văn hoá, chính trị, kinh tế, xã hội rất mạnh. Trong nền kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế với định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền thì hoạt động chứng thực luôn được quan tâm để phục vụ các giao dịch của cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ kinh tế, dân sự chính trị, văn hóa. Việc nghiên cứu hoạt động Chứng thực của UBND phường trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội là một nội dung có ý nghĩa hết sức quan trọng cả về mặt khoa học và thực tiễn. Với nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của hoạt động chứng thực trong việc thúc đẩy nền kinh tế phát triển, đáp ứng được yêu cầu của Đảng, Nhà nước trong công cuộc cải cách hành chính, cải cách tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, tôi chọn đề tài ***"Chứng thực của UBND phường từ thực tiễn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội"*** làm đề tài luận văn của mình.

**2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động chứng thực, đã có rất nhiều công trình nghiên về chứng thực nói chung và quản lý Nhà nước về chứng thực nói riêng. Cho đến nay đã có những bài viết, bình luận, luận văn về hoạt động chứng thực được công bố như sau:

Tác giả Nguyễn Thùy Dung (2014), "Quản lý Nhà nước về chứng thực-qua thực tiễn thành phố Hà Nội", Luận văn Thạc sĩ; Tác giả Đặng Văn Khanh (2000), Những vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc xác định phạm vi, nội dung hành vi công chứng, chứng thực và giá trị pháp lý của văn bản công chứng, chứng thực ở nước ta hiện nay, Luận văn Tiến sỹ; Tác giả Chu Thị

Tuyết Lan (2012), "Quản lý nhà nước về chứng thực, thực trạng và phương hướng đổi mới", Luận văn Thạc sỹ.

Tác giả Đặng Văn Trường (2010),"Quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực ở nước ta hiện nay và những vấn đề đặt ra", Tạp chí Quản lý Nhà nước, 2010, Số 168; Tác giả Ngô Sỹ Trung (2010),"Nghị định 79/2007/NĐ-CP - Một bước tiến trong cải cách hoạt động chứng thực nước ta", Tạp chí Tổ chức Nhà nước, 2010, Số 3; Ngoài ra, còn một số bài nghiên cứu được đăng trên Tạp chí Dân chủ và pháp luật, Tạp chí tổ chức Nhà nước,...

Các công trình nghiên cứu, luận văn, bài viết trên đã đưa ra một cách đầy đủ nhất về cơ sở lý luận về hoạt động chứng thực cũng như hoạt động quản lý nhà nước về chứng thực ở Việt Nam. Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu, luận văn, bài viết nào công bố về chứng thực của UBND phường từ thực tiễn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Với đề tài "Chứng thực của UBND phường từ thực tiễn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội" được coi là công trình đầu tiên nghiên cứu về chứng thực của UBND phường trong bối cảnh mới. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng, đề tài đưa ra những giải pháp về chứng thực của UBND phường phù hợp với yêu cầu của thực tiễn Việt Nam nói chung và quận Nam Từ Liêm nói riêng.

## 3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

### *3.1. Mục đích nghiên cứu đề tài:*

Trên cơ sở làm rõ những và lý luận về chứng thực, các quy định pháp luật về chứng thực và từ thực tiễn chứng thực tại UBND phường quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Luận văn đề xuất giải pháp khắc phục những tồn tại hạn chế về chứng thực của UBND phường.

### *3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu*

Trên cơ sở mục đích nghiên cứu, đề tài luận văn thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Làm sáng tỏ và hệ thống hóa những vấn đề lý luận về chứng thực của UBND phường.

- Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về chứng thực và thực trạng tổ chức thực hiện chứng thực của UBND phường từ thực tiễn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Từ đó, nêu quan điểm và giải pháp nâng cao chất lượng chứng thực của UBND phường.

**4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu đề tài**

***4.1. Đối tượng nghiên cứu***

Luận văn nghiên cứu pháp luật và hoạt động chứng thực UBND phường

***4.2. Phạm vi nghiên cứu***

Về thời gian: Luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề về chứng thực thuộc thẩm quyền của UBND phường từ tháng 04 năm 2014 đến 2017;

Về không gian: Luận văn nghiên cứu thực tiễn hoạt động chứng thực của UBND phường trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

**5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Luận văn nghiên cứu dựa trên lý luận của chủ nghĩa Mác- Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật, các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng về tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật, về cải cách hành chính, cải cách tư pháp đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện nghiên cứu luận văn sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu. Trong đó phương pháp phân tích được sử dụng xuyên suốt trong toàn bộ nội dung của Luận văn để giải quyết những vấn đề mang tính lý luận như khái niệm, đặc điểm của hoạt động chứng thực, đánh giá thực trạng của pháp luật về chứng thực và các quy định của pháp luật về chứng thực. Phương pháp chứng minh, thống kê được sử dụng thông qua việc đưa ra các thông tin, số liệu để minh chứng cho nhận định, đánh giá của tác giả. Phương pháp so sánh cũng được sử dụng ở cả phần lý luận khi dẫn chiếu các quy định của hệ thống pháp luật và thực trạng pháp luật khi đối chiếu với các

quy định của pháp luật về cùng vấn đề ở các văn bản quy định về chứng thực hoặc thực tiễn áp dụng thi hành hoạt động chứng thực.

**6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn**

***6.1. Ý nghĩa lý luận:*** Luận văn góp phần đưa cái nhìn tổng thể, có hệ thống về hoạt động chứng thực và hệ thống pháp luật của Việt Nam về chứng thực của UBND phường. Luận văn sẽ đưa ra một cái nhìn tổng thể thực hiện chứng thực gắn liền với việc thực hiện cơ chế "Một cửa". Đồng thời, đây là cơ sở để nâng cao hiệu quả hoạt động chứng thực, nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính giai đoạn tới.

**6.2. Ý nghĩa thực tiễn:** Qua phân tích đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về chứng thực của UBND phường - từ thực tiễn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Luận văn cho thấy những thuận lợi, khó khăn chính quyền quận Nam Từ Liêm đối với hoạt động chứng thực của UBND phường, những hạn chế, bất cập của hệ thống văn bản quy phạm điều chỉnh hoạt động chứng thực tại UBND phường. Từ đó đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động chứng thực của UBND phường. Bên cạnh đó, những kết quả nghiên cứu của luận văn về quy định của pháp luật về hoạt động chứng thực có thể làm tài liệu tham khảo cho học tập, nghiên cứu và hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực chứng thực.

**7. Kết cấu luận văn**

Luận văn thực hiện nghiên cứu hoạt động chứng thực của UBND phường theo kết cấu gồm 3 chương, bên cạnh các phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, cụ thể như sau:

*Chương 1:* Những vấn đề lý luận về chứng thực của UBND phường

*Chương 2:* Thực trạng hoạt động chứng thực của UBND phường trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

*Chương 3:* Quan điểm và giải pháp tăng cường chất lượng chứng thực của UBND phường

# Chương 1
# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHỨNG THỰC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

## 1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò chứng thực của Uỷ ban nhân dân phường

*1.1.1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Uỷ ban nhân dân phường*

Điều 58 của Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015 xác định chính quyền địa phương ở phường gồm có Hội đồng nhân dân phường và UBND phường [54].

Theo Điều 59 Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015 thì nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở phường: Tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn phường. Chịu trách nhiệm trước chính quyền địa phương ở quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở phường. Quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng và phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn phường [54].

Về cơ cấu tổ chức của UBND phường trong các hoạt động của mình thì Điều 62 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 có quy định cụ thể: UBND phường gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên phụ trách quân sự, Ủy viên phụ trách công an. UBND phường loại I có không quá hai Phó Chủ tịch; phường loại II và loại III có một Phó Chủ tịch [54].

*Về nhiệm vụ, quyền hạn của UBND phường:*

*Thứ nhất*, xây dựng, trình Hội đồng nhân dân phường quyết định các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 61 về nhiệm vụ, quyền hạn

của Hội đồng nhân dân phường của Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường: Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách phường; điều chỉnh dự toán ngân sách phường trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách phường.

*Thứ hai* tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường

*Thứ ba,* tổ chức thực hiện ngân sách địa phương.

*Thứ tư,* thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền [54].

Trong các nhiệm vụ, quyền hạn trên, UBND phường có nhiệm vụ thực hiện dịch vụ công chứng thực.

*Vai trò của hoạt động chứng thực*

Trong cuộc sống đời thường cũng như trong dân sự, kinh tế, thương mại, khi có tranh chấp xảy ra, các đương sự thường có xu hướng tìm kiếm những chứng cứ để bênh vực cho những lý lẽ của mình hoặc bác bọ lập luận của đối phương. Để phòng ngừa và đảm bảo an toàn pháp lý cho các giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại mà đương sự tham gia, họ cần đến chứng thực các văn bản, giấy tờ, chữ ký… để các văn bản, giấy tờ và các nội dung được chứng thực có giái trị pháp lý khi thực hiện các giao dịch…

Thực tiễn thực hiện cho thấy tranh chấp trong xã hội ngày càng tăng, vụ việc càng phức tạp, trong đó có nguyên nhân là do không có xác thực. Do vậy, việc tuyên truyền, phổ biến, cập nhật pháp luật là cần thiết. Bên cạnh đó cũng cần tăng cường hơn nữa các biện pháp công cụ tổ chức thực hiện pháp luật. Chứng thực là một hoạt động quan trọng không thể thiếu được trong hoạt động Nhà nước. Thông qua hoạt động chứng thực và các quy định xung quanh nó, pháp luật trở nên gần với hiện thực hơn, dần trở thành hiện thực sinh động của đời sống xã hội. Theo đánh giá của các cơ quan Tư pháp, kết

quả thực hiện hoạt động chứng thực của UBND phường, xã đã mang lại hiệu quả rõ rệt, nâng cao sự an toàn pháp lý cho các giấy tờ, văn bản liên quan. Góp phần phòng ngừa các vi phạm pháp luật trong các hành vi dân sự và các quan hệ giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại… Bên cạnh đó thông qua hoạt động tiếp người yêu cầu chứng thực, các tổ chức, đơn vị có thẩm quyền đã tích cực tuyên truyền, tư vấn cho cá nhân, tổ chức những quy định của pháp luật, nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật cho người dân.

Từ đây ta có thể nhận thấy: Hoạt động chứng tực là một công cụ hữu hiệu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, phòng ngừa tranh chấp, tạo ra sự ổn định trong quan hệ dân sự, tài sản.

*1.1.2. Khái niệm, đặc điểm chứng thực của Uỷ ban nhân dân phường*

1.1.2.1. Khái niệm

Cùng với sự phát triển của xã hội, nhu cầu chứng thực của công dân và doanh nghiệp ngày càng tăng. Mặc dù Chính phủ đã ban hành Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 quy định về công chứng, chứng thực; Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 quy định về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và các văn bản QPPL sửa đổi, bổ sung khác như: Nghị định số 04/2012/NĐ-CP, Nghị định số 06/2012/NĐ-CP. Tuy nhiên trên thực tế, những quy định này vẫn còn nhiều điểm bất cập, trong đó vấn đề thẩm quyền, trách nhiệm chứng thực của các cơ quan nhà nước chưa phân định rõ ràng, gây vướng mắc cho chính các cơ quan nhà nước và người dân khi thực hiện. Do đó, để tạo nhiều thuận lợi cho người dân và cơ quan có thẩm quyền chứng thực, ngày 16/02/2015 Chính phủ ban hành Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 10/4/2015 và thay thế cho các văn bản trước về lĩnh vực này.

Nghị định 23/2015/NĐ-CP ra đời nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trong công tác chứng thực hiện nay đặc biệt là ở cấp cở. Trong đó, thẩm quyền của UBND cấp xã trong công tác chứng thực được quy định theo hướng rõ ràng và mở rộng hơn.

Nghị định 23/2015/NĐ-CP đã cơ bản giải quyết được những bất cập của Nghị định 79/2007/NĐ-CP. Tuy nhiên, việc mở rộng thẩm quyền cũng đồng nghĩa với tăng trách nhiệm đối với UBND cấp xã khi mà Nghị định 23 này mới đi vào thực tế nhưng đã gặp không ít những khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là trong việc chứng thực hợp đồng, giao dịch. Nếu như Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã được chứng thực hợp đồng nhưng chỉ chứng thực chữ ký thì việc thực hiện sẽ tương đối thuận lợi và không phát sinh nhiều vướng mắc. Nhưng đối với việc chứng thực những giao dịch có liên quan đến hình thức, nội dung, trình tự thủ tục thực hiện hợp đồng thì hiện Nghị định 23 chưa quy định cụ thể, rõ ràng. Điều này ít nhiều khiến cán bộ làm công tác chứng thực ở cơ sở lúng túng. Thêm vào đó, khi được giao thêm thẩm quyền này, không phải Phó Chủ tịch, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn nào cũng nắm vững Luật. Một vướng mắc nữa đó là các trường hợp giao dịch khác như di chúc, đặt cọc, phía UBND xã sẽ không nắm được do pháp luật không yêu cầu phải đăng ký các giao dịch này ở xã. Thực tế đã có những trường hợp giao dịch khi bị ngăn chặn, không thực hiện được ở tổ chức hành nghề công chứng, người dân liền tìm đến UBND cấp xã để chứng thực hoặc ngược lại. Kết quả là cùng một "sổ đỏ" nhưng có khi được đem đi giao dịch với nhiều người, dẫn đến các tranh chấp, khiếu kiện.

Tại Nghị định số 75/2000/NĐ-CP là văn bản đầu tiên đưa ra khái niệm "chứng thực" và có sự tách bạch giữa thuật ngữ "công chứng" với "chứng thực" [18]. Đến năm 2006 Quốc Hội ban hành Luật công chứng và năm 2007 Chính Phủ ban hành Nghị định số 79/NĐ-CP ngày 18/5/2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thức bản sao từ bản chính (sau đây gọi tắt là Nghị định số

79/NĐ -CP), sự tách bạch giữa công chứng với chứng thực rõ ràng hơn. Theo đó, Luật Công chứng điều chỉnh hoạt động công chứng; Nghị định 79/NĐ-CP điều chỉnh hoạt động chứng thực. Nghị định số 79/NĐ-CP không đưa ra khái niệm chung về "chứng thực" mà chỉ giải thích cụ thể các hoạt động chứng thực gồm [22]:

- Cấp bản sao từ sổ gốc: là việc cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc, căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao. Bản sao từ sổ gốc phải có nội dung đúng với nội dung ghi trong sổ gốc.

- Chứng thực bản sao từ bản chính: là việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 5 của Nghị định này căn cứ vào bản chính để chứng thực bản sao là đúng với bản chính

- Chứng thực chữ ký: Là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 5 của Nghị định này chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản là chữ ký của người đã yêu cầu chứng thực [22].

Theo Nghị định số 23/2015/NĐ- CP khái niệm về chứng thực được giải thích bằng những từ ngữ dưới đây và được hiểu như sau [30]:

Chứng thực bản sao từ bản chính "là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này căn cứ vào bản chính để chứng thực bản sao là đúng với bản chính" [30].

Chứng thực chữ ký "là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản là chữ ký của người yêu cầu chứng thực" [30].

Chứng thực hợp đồng, giao dịch "là việc cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này chứng thực về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch" [30].

Về cơ bản, Nghị định này kế thừa khái niệm về "chứng thực" của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP và bổ sung thêm quy định mới về khái niệm "chứng

thực hợp đồng, giao dịch" [22]. Nghị định số 23/2015/NĐ- CP không đưa ra khái niệm "chứng thực" cụ thể, tuy nhiên chúng ta có thể hiểu chung nhất về hoạt động chứng thực theo quy định của Nghị định này là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật xác nhận tính chính xác, tính có thực của các giấy tờ, văn bản được chứng thực so với bản chính và sổ gốc; xác nhận tính chính xác, tính có thực của chữ ký được chứng thực là chữ ký của một cá nhân cụ thể; xác nhận tính chính xác, tính có thực của thời gian giao kết hợp đồng giao dịch, năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia giao kết hợp đồng giao dịch, là cơ sở phục vụ cho việc thực hiện các giao dịch của cá nhân, tổ chức trong xã hội được dễ dàng, thuận tiện [30].

Như vậy, trải qua các thời kỳ đến nay, chưa có văn bản pháp luật nào đưa ra một khái niệm rõ ràng, bao quát được đúng bản chất của hoạt động chứng thực, mà chủ yếu đưa ra khái niệm chứng thực của một việc cụ thể nào đó. Tuy nhiên, phân tích từ các khái niệm nêu trên ta có thể hiểu chung nhất về khái niệm, thuật ngữ "chứng thực" dưới hai góc độ như sau:

- Theo nghĩa rộng: Chứng thực là hoạt động mang tính chất hành chính của cơ quan công quyền, do cơ quan nhà nước, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật thực hiện chứng thực bản sao từ sổ gốc; chứng thực sao y bản chính; chứng thực chữ ký; chứng thực hợp đồng, giao dịch và chịu trách nhiệm về tính xác thực của văn bản được chứng thực theo quy định của pháp luật.

- Theo nghĩa hẹp: Chứng thực là hoạt động mang tính chất hành chính do Phòng Tư pháp cấp huyện, UBND cấp xã, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan khác (sau đây gọi chung là cơ quan đại diện) và các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ- CP, đó là: Cấp bản sao từ Sổ gốc; sao y bản sao từ bản chính; chứng thực chữ ký trong các giấy tờ liên quan đến bản thân người yêu

cầu chứng thực; chứng thực hợp đồng giao dịch về thời gian địa điểm giao kết hợp đồng giao dịch, năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia giao kết hợp đồng giao dịch [30].

Trên cơ sở các quan điểm về chứng thực tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, đề tài đưa ra khái niệm chứng thực của UBND cấp xã, trong đó có UBND phường như sau: *"Chứng thực của UBND cấp xã là việc đơn vị có thẩm quyền thuộc UBND xã, phường, thị trấn thực hiện quyền chứng thực xác nhận tính chính xác, tính có thực của các giấy tờ, văn bản, chữ ký của cá nhân, các sự kiện pháp lý, thông tin cá nhân để phục vụ trong các quan hệ dân sự, kinh tế, hành chính…".*

1.1.2.2. Đặc điểm

Là cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương, UBND cấp xã thực hiện hoạt động chứng thực theo thẩm quyền được pháp luật quy định. Do đó chứng thực của UBND cấp xã có đầy đủ những đặc điểm của hoạt động chứng thực nói chung, đó là:

*Một là*, mang tính chất hành chính: Hoạt động chứng thực của UBND cấp xã phải tuân thủ các quy định pháp luật về trình tự, thủ tục hành chính khi thực hiện chứng thực;

*Hai là*, xác nhận giá trị pháp lý của văn bản được chứng thực: Bản sao được cấp từ sổ gốc có giá trị sử dụng thay cho bản chính trong các giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Chữ ký được chứng thực theo quy định tại Nghị định này có giá trị chứng minh người yêu cầu chứng thực đã ký chữ ký đó, là căn cứ để xác định trách nhiệm của người ký về nội dung của giấy tờ, văn bản.

*Ba là*, chịu trách nhiệm về tính trung thực, tính chính xác và tính khách quan của giấy tờ, văn bản do mình chứng thực: Văn bản, giấy tờ đã được UBND cấp xã chứng thực có giá trị pháp lý thay cho bản chính; người tiếp nhận không được yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp có

căn cứ về việc bản sao giả mạo, bất hợp pháp thì yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc tiến hành xác minh [30].

1.1.2.3. Phân loại hoạt động chứng thực

Chứng thực thực hiện tại UBND cấp xã, trong đó có UBND phường gồm: Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cấp hoặc chứng nhận; chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản, trừ chứng thực chữ ký người dịch; chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản; chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai; Chứng thực hợp đồng giao dịch về Nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở; chứng thực di chúc; chứng thực văn bản từ chối nhận di sản; chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai, là Nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở.

*Căn cứ theo nội dung hoạt động chứng thực có thể phân loại chứng thực như sau:*

*Một là,* cấp bản sao từ sổ gốc : (hay gọi là chứng thực bản sao từ sổ gốc) là việc cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc, căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao. Bản sao từ sổ gốc có nội dung đầy đủ, chính xác như nội dung ghi trong sổ gốc.

*Hai là,* chứng thực bản sao từ bản chính: là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền căn cứ vào bản chính để chứng thực bản sao là đúng với bản chính.

*Ba là,* chứng thực chữ ký: là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản là chữ ký của người yêu cầu chứng thực.

*Bốn là,* chứng thực hợp đồng, giao dịch: là việc cơ quan có thẩm quyền chứng thực về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch…

*1.1.3. Vai trò chứng thực của Ủy ban nhân dân phường*

*Thứ nhất,* góp phần vào cải cách hành chính, hiện đại hóa nền hành chính và ổn định kinh tế xã hội, ổn định đời sống của nhân dân tạo đà cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thông qua các hoạt động chứng thực của cơ quan hành chính các văn bản giấy tờ và các hợp đồng giao dịch đã tạo được sự tin cậy pháp lý. Chữ ký, điểm chỉ được chứng thực có giá trị chứng minh người yêu cầu chứng thực đã ký chữ ký , điểm chỉ vào văn bản, giấy tờ đó, là căn cứ để xác định trách nhiệm của  cá nhân người ký, điểm chỉ vào nội dung của giấy tờ, văn bản. Hợp đồng được chứng thực theo trình tự đúng quy định có giá trị chứng minh về thời gian, địa điểm của các giấy tờ, văn bản các bên đã ký kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia  giao kết hợp đồng giao dịch trong một khoảng thời gian và không gian nhất định.

Hoạt động chứng thực là cung cấp dịch vụ công của nhà nước nhằm đảm bảo văn bằng, giấy tờ và hợp đồng, giao dịch được thực hiện đúng pháp luật, hoạt động chứng thực của nhà nước là phục vụ tổ chức, cá nhân tham gia vào các quan hệ hành chính nhà nước. Qua đó, giúp cho các thực hiện giao dịch của mình được thuận lợi hơn. Thực tiễn hiện nay đất nước ta trong quá trình hội nhập quốc tế, nền kinh tế đang phát triển nhu cầu của sử dụng của con người liên quan đến văn bản, giấy tờ có chứng thực một cách hợp lý đã góp phần giảm chi phí đi lại, tiết kiệm được tài chính, công sức của nhân dân. Nghị định 23/2015/NĐ-CP quy định các nguyên tắc và thủ tục chứng thực chi tiết và đơn giản tạo điều kiện, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi yêu cầu chứng thực, tại Điều 7 Nghị định 23/2015/NĐ-CP quy định " thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải đảm bảo ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yều cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo , nếu tiếp nhận yếu cầu sau

15 giờ; trừ trường hợp quy định tại các Điều 21,23 và Điều 37 của Nghị định này" [30]

Chứng thực tạo ra công cụ hỗ trợ hiệu quả cho việc kết nối, thực hiện thủ tục hành chính giữa các địa phương (các hợp đồng, giấy ủy quyền) tạo thuận lợi cho người dân có nhu cầu thực hiện giao dịch nhưng do khoảng cách vị trí địa lý, sức khỏe, thời gian vẫn có thể vẫn thực hiện các giao dịch được thuận lợi nhất và đảm bảo quy định của pháp luật.

Có thể nói, hoạt động chứng thực nói chung, chứng thực của UBND phường nói riêng không chỉ mang tính chất dịch vụ công, phục vụ lợi ích thiết thực của nhân dân, mà còn góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính phục vụ, hiện đại văn minh.

Chứng thực là một trong những công cụ phục vụ quản lý nhà nước, đồng thời hoạt động chứng thực giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước nắm bắt tình hình giao dịch hợp đồng, giao kết hợp đồng được đảm bảo an toàn pháp lý cũng như để phục vụ cho việc xây dựng và hoạch định chính sách phát triển kinh tế và chính sách pháp luật phù hợp.

*Thứ hai,* bảo vệ các quyền lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khi tham gia quan hệ pháp luật.

Các quyền của con người được quy định tại các bản Hiến pháp những quyền cơ bản đó của con người, đó là: quyền có nơi ở hợp pháp; quyền bình đẳng trước pháp luật, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền danh dự và nhân phẩm , quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí tiếp cân thông tin, quyền được khiếu nại, tố cáo; quyền được bồi thường vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự; quyền được pháp luật bảo hộ sức khỏe, quyền tự do đi lại và cư trú; quyền tham gia quản lý nhà nước; quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp; quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ; quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm; quyền làm việc; quyền kết hôn, ly hôn; quyền học tập,

quyền được nghiên cứu khoa học. Pháp luật chứng thực chính là phương thức, phương tiện, cách thức để các tổ chức cá nhân được thực hiện các quyền này theo quy định.

Chứng thực của UBND phường cung cấp dịch vụ mang tính hành chính công của nhà nước, các chủ thể khi thực hiện quyền đã được pháp luật quy định qua việc chứng thực hợp đồng, giao dịch. Hợp đồng được chứng thực có hiệu lực pháp luật được pháp luật bảo hộ và thừa nhận, do đó các hợp đồng, giao dịch được cơ quan hành chính và các tổ chức có thẩm quyền chứng thực theo quy định của pháp luật có giá trị pháp lý thì các bên tham gia giao dịch phải thực hiện quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của mình phát sinh từ hợp đồng, giao dịch đó.

Chứng thực của UBND phường là giao dịch giữa cơ quan nhà nước và người dân và có ảnh hưởng lớn đến đời sống, các quan hệ xã hội như các quyền và nghĩa vụ hợp pháp, chứng thực là chế định pháp lý quan trọng liên quan mật thiết đến quyền lợi ích của tổ chức, cá nhân: đó là các hoạt động chứng thực bản sao, chữ ký, chứng thực hợp đồng giao dịch, di chúc/giấy ủy quyền... Thông qua của hoạt động chứng thực đảm bảo các quyền, lợi ích chính đáng của cá nhân, tổ chức trong các quan hệ, giao dịch; đảm bảo được sự công bằng trật tự trong xã hội và đảm bảo an toàn trong hoạt động quản lý nhà nước.

*Thứ ba,* hạn chế các phát sinh tranh chấp trong các giao dịch có liên quan đến giấy tờ, văn bản, giao dịch.

Văn bản, giáy tờ, các giao dịch được chứng thực có giá trị chứng cứ pháp lý cho cá nhân, tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính, các giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại… các văn bản, giấy tờ, hợp đồng giao dịch được chứng thực thì khi tổ chức cá nhân nộp hồ sơ liên quan đến thủ tục hành chính thì các cá nhân, tổ chức khác không có quyền được yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc phủ nhận tính xác thực của văn bản. Bản sao được cấp từ sổ

gốc, chứng thực đúng pháp luật có giá trị sử dụng thay cho bản chính trong các giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; Chữ ký được chứng thực theo quy định tại Nghị định này có giá trị chứng minh người yêu cầu chứng thực đã ký tên vào văn bản, giấy tờ đó, là căn cứ pháp lý để xác định trách nhiệm của người ký về nội dung của giấy tờ, văn bản… [30].

Như vậy, với những vai trò trên có thể thấy các văn bản, giấy tờ, các hợp đồng giao dịch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng thực làm giảm thời gian đi lại, tiết kiệm chi phí cho xã hội đồng thời là một công cụ hỗ trợ, lá chắn phòng ngừa các vi phạm pháp luật trong các giao dịch, các giao dịch được chứng thực có tính pháp lý, góp phần phòng ngừa rủi do, hạn chế tranh chấp, bảo vệ các quyền lợi ích hợp pháp của các bên tham gia hợp đồng dân sự góp phần không nhỏ trong việc làm thông thoáng và lành mạnh hóa thủ tục hành chính và ổn định cho sự phát triển kinh tế, trật tự xã hội của đất nước .

Việc thực hiện các thủ tục hành chính đặc biệt là các thủ tục liên quan đến các giao dịch về lĩnh vực đất đai, nhà ở thì vai trò về chứng thực là công cụ pháp lý không thể thiếu trong các giao kết, giao dịch, thỏa thuận của các bên, đó là lòng tin, sự xác nhận, sự có thật một sự việc diễn ra vì vậy các văn bản, giấy tờ đã được chứng thực là điều kiện không thể thiếu để tạo lập các giao dịch hoặc giải quyết các thủ tục hành chính. Chứng thực là công cụ pháp lý đảm bảo lòng tin của các bên tham gia giao dịch, có thể nói nó là công cụ hết sức quan trọng trong cuộc sống diễn ra hàng ngày của con người đồng thời chứng thực là công cụ hỗ trợ cho công tác quản lý nhà nước, khuyến khích các cá nhân, tổ chức tham gia các giao dịch, hợp đồng, các thủ tục hành chính theo đúng quy định của pháp luật qua đó thúc đẩy nền kinh té – xã hội của địa phương cũng như của đất nước phát triển, tăng cường hội nhập quốc tế và có ý nghĩa quan trọng trong công tác quản lý nhà nước tạo sự thúc đẩy

sự phát triển các giao dịch của tổ chức, cá nhân trong hoạt động kinh tế thương mại….

### 1.2. Lý luận về pháp luật chứng thực của Ủy ban nhân dân phường

*1.2.1. Các nguyên tắc của hoạt động chứng thực của Uỷ ban nhân dân phường*

Hoạt động chứng thực được thực hiện bởi các cơ quan hành chính nhà nước, các tổ chức hành nghề công chứng và được tiến hành theo một trình tự, thủ tục do pháp luật về chứng thực quy định nhằm đem lại hiệu quả nhất định trong quản lý Nhà nước về chứng thực. Trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay, pháp luật về chứng thực của UBND cấp xã phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

*Thứ nhất,* phải phù hợp với nội dung và mục đích định hướng phát triển kinh tế- xã hội trong từng giai đoạn, không trái với Hiến pháp và pháp luật chuyên ngành có liên quan. Ví dụ: Khi thực hiện chứng thực các hợp đồng giao dịch, chứng thực chữ ký, chứng thực sao y bản chính, chứng thực bản sao từ sổ gốc… phải căn cứ vào các quy định của pháp luật về chứng thực và các quy định của pháp luật chuyên ngành như: Bộ Luật dân sự, Luật Hôn nhân gia đình, Luật Thương mại, Luật Kinh tế, Luật Nhà ở…

*Thứ hai,* phải phù hợp với Chương trình tổng thể cải cách hành chính- cải cách tư pháp trong từng giai đoạn. Đơn giản hoá đến mức tối đa các quy định về trình tự thủ tục các việc chứng thực phù hợp yêu cầu của Chương trình tổng thể cải cách hành chính và cải cách tư pháp giai đoạn 2011- 2020 tiến tới xây dựng một nền hành chính hiện đại hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước trong giai đoạn mới. Xây dựng một nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc.

*Thứ ba,* quy định đầy đủ, cụ thể, rõ ràng trình tự thủ tục thực hiện các việc chứng thực thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã, những hành vi bị cấm trong hoạt động chứng thực, hình thức xử lý vi phạm hoạt động chứng thực. Căn cứ vào các quy định của pháp luật về chứng thực, chủ thể thực hiện chứng thực tuyệt đối không được thực hiện chứng thực các việc mà pháp luật không cho phép, không được chứng thực sai thẩm quyền, thậm chí không được lẩn tránh hoặc lạm quyền. Đối với chủ thể tham gia hoạt động chứng thực phải nghiêm chỉnh chấp hành trình tự, thủ tục chứng thực, tuyệt đối không được yêu cầu chứng thực các việc bị pháp luật cấm, các giấy tờ, văn bản không đúng với bản chính, không đúng với sự thật. Ví dụ: UBND cấp xã chỉ được chứng thực những việc được quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ- CP.

*Thứ tư,* quy định cụ thể thủ tục của các việc chứng thực như: các giấy tờ phải xuất trình để chứng minh quan hệ nhân thân; hình thức, nội dung của hợp đồng, giao dịch; thành phần hồ sơ phải nộp khi có yêu cầu sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ hợp đồng, giao dịch; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chứng thực; các loại văn bản, giấy tờ không được chứng thực bản sao; thế nào là chứng thực với số lượng nhiều…

*Thứ năm,* đảm bảo cho hoạt động chứng thực được l iên tục, kịp thời và mang tính dự báo. Các quy định về trình tự thủ tục thực hiện chứng thực phải đảm bảo tính thường xuyên, liên tục, kịp thời, không bị gián đoạn, các việc chứng thực phải được giải quyết ngày trong buổi, trong ngày làm việc (trừ những trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật) để đảm bảo tối đa nhất quyền lợi của cá nhân, tổ chức có yêu cầu chứng thực, đáp ứng yêu cầu của quản lý nhà nước về chứng thực

*Thứ sáu,* khẳng định được giá trị pháp lý của văn bản đã được chứng thực. Văn bản được chứng thực có giá trị sử dụng như bản chính, đảm bảo quyền lợi ích của các chủ thể sử dụng văn bản này tham gia các giao dịch dân

sự, kinh tế, thương mại… Đồng thời có giá trị chứng cứ, chứng minh khi giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo…

*Thứ bảy*, Chế độ, chính sách, khen thưởng, kỷ luật, xử lý vi phạm đối với các chủ thể tham gia hoạt động chứng thực. Chứng thực là một hoạt động mang tính liên tục, kịp thời. Bên cạnh đó, pháp luật về chứng thực còn có mối quan hệ với các pháp luật chuyên ngành khác. Để thực hiện tốt nhiệm vụ chứng thực cán bộ làm công tác chứng thực ngoài việc nắm chắc các quy định của pháp luật về chứng thực còn phải có kiến thức pháp luật về các lĩnh vực chuyên ngành có liên quan. Do đó, cần có quy định cụ thể chế độ chính sách đãi ngộ đối với cán bộ thực hiện chứng thực để động viên khích lệ cán bộ gắn bó, có trách nhiệm với công việc được giao, biểu dương, khen thưởng kịp thời cán bộ làm tốt; kiểm điểm, phê bình đối với cán bộ vi phạm. Đối với các chủ thể tham gia hoạt động chứng thực là người có công, gia đình chính sách thì miễn lệ phí chứng thực.

*1.2.2. Chủ thể của hoạt động chứng thực của Ủy ban nhân dân phường*

Về bản chất, cơ quan thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch của cá nhân, tổ chức chỉ chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, khách quan của văn bản, giấy tờ đã chứng thực mà không chịu trách nhiệm về nội dung của văn bản, giấy tờ.

Công cụ quản lý về hoạt động chứng thực của UBND cấp xã chính là các quy định của pháp luật về chứng thực. Do đó, nội dung của pháp luật về chứng thực của UBND cấp xã phải quy định đầy đủ các các việc chứng thực thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã đồng thời tạo điều kiện thuận lợi tối đa nhất cho cá nhân, tổ chức có yêu cầu chứng thực. Pháp luật về chứng thực của UBND cấp xã phải quy định được đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của chủ thể thực hiện chứng thực (UBND cấp xã), những việc mà chủ thể thực hiện chứng thực không được làm như: chỉ được các việc chứng thực thuộc thẩm quyền (chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng

giao dịch), tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chứng thực, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến chứng thực theo thẩm quyền, quyền và nghĩa vụ của chủ thể tham gia chứng thực (cá nhân, tổ chức có yêu cầu chứng thực) như có quyền yêu cầu chứng thực tại bất kỳ cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nào thuận tiện nhất, chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp lệ, hợp pháp của giấy tờ, văn bản mà mình yêu cầu chứng thực hoặc xuất trình khi làm thủ tục chứng thực.

Bên cạnh đó pháp luật về chứng thực của UBND cấp xã còn phải quy định trình tự, thủ tục, quy trình giải quyết từng loại việc chứng thực, thành phần hồ sơ, giấy tờ phải xuất trình khi yêu cầu chứng thực như: khi yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc thì phải xuất trình giấy tờ gì, các bước thực hiện, thời gian giải quyết, cán bộ chuyên môn thực hiện, phí, lệ phí phải nộp (nếu có)… Các quy định về trình tự thủ tục là căn cứ pháp lý buộc cán bộ công chức thực thi nhiệm vụ được tốt hơn đáp ứng kịp thời yêu cầu của cá nhân, tổ chức. Đồng thời hạn chế tối đa việc gây phiền hà, sách nhiễu đối với chủ thể tham gia hoạt động chứng thực. Căn cứ vào quy trình giải quyết, đến hẹn trả hồ sơ thì cán bộ công chức phải trả hồ sơ cho công dân, và công dân chỉ phải nộp phí theo quy định đã được công khai đối với mỗi loại việc trên phiếu tiếp nhận hồ sơ hành chính …

Chủ thể tham gia hoạt động chứng thực là các cá nhân (người yêu cầu thực hiện chứng thực) là chủ thể yêu cầu chứng thực và các cơ quan và các tổ chức thực hiện chứng thực (Phòng Tư pháp cấp huyện, UBND cấp xã, cơ quan đại diện, các tổ chức hành nghề công chứng) là chủ thể thực hiện chứng thực.

Chủ thể thực hiện chứng thực tại UBND cấp xã là Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND cấp xã thực hiện ký chứng thực và đóng dấu của UBND cấp xã. Cán bộ giúp việc cho Chủ tịch, phó chủ tịch UBND cấp xã trong hoạt động chứng thực là công chức Tư pháp phụ trách hoạt động chứng thực. Để

nâng cao hiệu quả trong hoạt động chứng thực của UBND cấp xã cần phải nâng cao vai trò trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền cấp cơ sở trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chứng thực cũng như thực hiện tốt Nghị định 23/NĐ- CP. Bố trí cán bộ thụ lý, tham mưu thực hiện công tác chứng thực là công chức Tư pháp- là người có trình độ pháp lý, am hiểu pháp luật, kỹ năng hành chính, đạo đức công vụ. Đồng thời tạo điều kiện để công chức Tư pháp tham gia học tập nâng cao trình độ, nghiệp vụ và kỹ năng chứng thực đáp ứng yêu cầu chứng thực của địa phương [30].

*1.2.3. Thủ tục chứng thực của Ủy ban nhân dân phường*

1.2.3.1. Các nội dung chứng thực của Ủy ban nhân dân phường

UBND phường có vai trò quan trọng trong công tác quản lý nhà nước ở đia phương. Đây là cầu nối trực tiếp toàn bộ hệ thống chính trị với người dân, là nơi tổ chức, vận động nhân dân thực hiên các chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước. UBND phường có vị trí, vai trò hết sức quan trọng là nơi trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước trên các lĩnh vực chính trị, an ninh quốc phòng, kinh tế, văn hóa xã hội, đảm bảo chủ trương, đường lối , chính sách của Đảng và pháp luật đi vào cuộc sống trong đó có nhiệm vụ thực hiện chúng thực. Để góp phần vào hoạt động quản lý của Nhà nước về hoạt động chứng thực UBND phường thực hiện các hoạt động chứng thực như sau:

Chứng thực tính có thật của bản sao từ sổ gốc: Khi chứng thực bản sao từ sổ gốc UBND cấp xã phải căn cứ vào sổ gốc do cơ quan đang quản lý để cấp. Bản sao từ sổ gốc có nội dung đầy đủ, chính xác như nội dung ghi trong sổ gốc;

Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận: UBND cấp xã căn cứ vào bản chính theo thẩm quyền chứng thực để chứng thực bản sao là đúng với bản chính.

Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản, trừ việc chứng thực chữ ký người dịch: là việc UBND cấp xã chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản là chữ ký của một cá nhân (một người) cụ thể đã yêu cầu chứng thực là có thật;

Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến thực hiện quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai; Chứng thực hợp đồng giao dịch về Nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở; Chứng thực di chúc; Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản. Khi chứng thực các hợp đồng, giao dịch UBND cấp xã chỉ phải chịu trách nhiệm về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch mà không phải chịu trách nhiệm về nội dung của hợp đồng. Quy định này nhằm phân định giá trị pháp lý của hợp đồng, giao dịch được chứng thực với giá trị pháp lý của hợp đồng, giao dịch được công chứng.

1.2.3.2. Các giai đoạn tiến hành thủ tục chứng thực của Uỷ ban nhân dân phường

Trình tự, quy trình thực hiện thủ tục chứng thực của UBND phường được thực hiện theo cơ chế "Một cửa". Quy chế "Một cửa" theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ. Nghị định này quy định về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Tại bộ phận "một cửa" niêm yết công khai các văn bản pháp luật, các quy định, quy trình, trình tự thực hiện thủ tục chứng thực [31]. Quy trình, trình tự thực hiện thủ tục chứng thực tại UBND phường gồm các bước sau:

*Bước 1:* Tiếp nhận hồ sơ. Công chức làm việc tại bộ phận "một cửa" tiếp nhận yêu cầu chứng thực của tổ chức, công dân; người yêu cầu chứng thực phải xuất trình bản chính giấy tờ, văn bản; công chức tiếp nhận hồ sơ đối chiếu bản sao cần chứng thực với bản chính.

*Bước 2:* Chuyển hồ sơ và xử lý hồ sơ. Công chức phụ trách tiếp nhận hồ sơ chuyển bản chính và bản sao yêu cầu chứng thực cho công cho Tư pháp để kiểm tra và thẩm định văn bản. Văn bản giấy tờ hợp lệ đúng quy định pháp luật thì công chức Tư pháp ghi lời chứng theo mẫu quy định và trình Chủ tịch hoặc phó Chủ tịch ký văn bản.

*Bước 3:* Trả hồ sơ: Công chức Tư pháp chuyển trả kết quả chứng thực cho công chức bộ phận tiếp nhận hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ của bộ phận một cửa nhập vào phần mềm máy tính để theo dõi quản lý, viết biên lai thu lệ phí theo quy định và trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.

Trong trường hợp văn bản, giấy tờ của tổ chức, cá nhân yêu cầu chứng thực mà không hợp lệ theo quy định tại Điều 22 Nghị định 23/2015/NĐ-CP thì công chức tiếp nhận hồ sơ từ chối không tiếp nhận.

Đối với các văn bản, giấy tờ mà tổ chức, cá nhân có yêu cầu chứng thực mà không đúng thẩm quyền của UBND phường thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đó liên hệ với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực theo quy định.

*Thời hạn giải quyết:* Trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà UBND phường thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.

### 1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động chứng thực của Ủy ban nhân dân phường

*1.3.1. Pháp luật và các quy định hướng dẫn về hoạt động chứng thực*

Trước đây, sự thiếu phối hợp hoặc phối hợp không đồng bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước nói chung và các cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính đã gây nhiều khó khăn, làm lãng phí về thời gian và tiền bạc của công dân. Hiện nay, việc trao đổi thông tin giữa cơ quan thực hiện chứng thực và các bộ phận đã được pháp lý hóa tại Nghị định, qua đó xóa bỏ được nhiều khâu công việc, thủ tục bất hợp lý, giảm bớt các giấy tờ cần thiết để rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục chứng thực. Do vậy, việc ban hành văn bản và các quy định hướng dẫn về hoạt động chứng thực của UBND phường là một yếu tố có ảnh hưởng đến hoạt động chứng thực của UBND phường. Yếu tố này đòi hỏi phải có tính chính xác và tính kịp thời, nếu một vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động chứng thực không được hướng dẫn giải quyết chính xác thì nó sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng. Tóm lại, thực hiện tốt việc ban hành văn bản  pháp luật các quy định, hướng dẫn sẽ có tác động tích cực và mang lại hiệu quả cho công tác quản lý và thực hiện chứng thực, còn nếu không nó sẽ có tác động ngược lại.

*1.3.2. Bộ máy quản lý nhà nước về hoạt động chứng thực của Ủy ban nhân dân phường*

Bộ máy quản lý là một trong những nhân tố ảnh hưởng hoạt động chứng thực của UBND phường. Hiện nay, ở cấp Trung ương nước ta có bộ máy đầu mối, chuyên trách về thực hiện hoạt động chứng thực của UBND phường là Bộ Tư pháp. Ở cấp địa phương, cơ quan quản lý trực tiếp hoạt động chứng thực là Phòng Tư pháp quận, huyện (Thuộc Sở Tư pháp). Phòng Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động chứng thực theo quy định của các văn bản hướng dẫn có liên quan, theo phân cấp của cơ quan cấp trên. Việc tổ chức bộ máy chuyên trách trong hoạt động chứng thực của UBND

phường, xã, thị trấn là thực sự cần thiết và đáp ứng yêu cầu khach quan, đây là cơ quan đảm nhận chức năng nghiên cứu, tham mưu cho UBND các cơ chế, chính sách về hoạt động chứng thực như xây dựng văn bản pháp luật về hoạt động chứng thực, đề xuất việc tổ chức bộ máy hoạt động chứng thực tại địa phương, xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan và xây dựng quy định về kiểm tra, giám sát, tổ chức hướng dẫn thực hiện hoạt động chứng thực cho các địa phương. Chính vì vậy, việc hoàn thiện một bộ máy, cơ cấu tổ chức hoạt động chứng thực tại UBND phường vừa khoa học, tinh giản, hiện đại sẽ giúp hoạt động chứng thực được thực hiện một cách hiệu quả và ngược lại. Bên cạnh đó, các hoạt động, sự phối kết hợp giữa các bộ phận liên quan diễn ra linh hoạt và nhanh chóng cũng thúc đẩy hiệu quả hoạt động chứng thực tại UBND các phường.

*1.3.3. Năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ công chức nhà nước*

Đội ngũ cán bộ công chức làm công tác chứng thực tại các UBND phường, xã, thị trấn là những người trực tiếp tiếp nhận các giấy tờ các tổ chức, cá nhân… căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Trung ương, địa phương thực hiện các nhiệm vụ, chức năng của mình. Năng lực, trình độ của các cán bộ thực hiện chứng thực tại các phường là một trong những yếu tố rất quan trọng nó ảnh hưởng đến hoạt động chứng thực của UBND phường cũng như hoạt động thực thi các văn bản này. Do đó, độ ngũ cán bộ công chức làm công tác chứng thực đòi hỏi phải có tư duy khoa học pháp lý, tinh thông nghiệp vụ chuyên môn để áp dụng pháp luật trong khi thực hiện nhiệm vụ, khả năng nghiên cứu và am hiểu các văn bản chính sách pháp luật của nhà nước, có kinh nghiệm thực tế, kỹ năng giao tiếp xử lý tình huống và đạo đức công vụ. Như vậy, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các cán bộ công chức là yếu tố quan trọng góp phần thành công vào hoạt động chứng thực của UBND phường, do vậy, việc đào tạo con người nói chung hay đội ngũ cán bộ công chức nói riêng cần được quan tâm, chú trọng vì yếu tố con

người là rất quan trọng để bộ máy hành chính nhà nước hoạt động có hiệu quả và đúng pháp luật.

*1.3.4. Yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế*

Quá trình hội nhập ngoài việc tăng vị thế Việt Nam trên trường quốc tế, chúng ta cũng đã thu hút được một số lượng đáng kể vốn đầu tư nước ngoài và viện trợ phát triển chính thức quốc tế; tiếp thu những thành tựu mới về khoa học, công nghệ cũng như kinh nghiệm và kỹ năng quản lý. Môi trường pháp luật và môi trường kinh doanh ở nước ta tuy đã được cải thiện đáng kể song về nhiều mặt còn hạn chế  đồng thời do một số các quy định pháp luật còn thiếu và chưa đồng bộ, cụ thể chưa đủ rõ ràng và nhất quán, vẫn còn chồng chéo, mẫu thuẫn dẫn đến một số quy định khi thực hiện còn không thống nhất trong hoạt động cải cách hành chính tại nước ta nói chung và các hoạt động chứng thực nói riêng.

*1.3.5. Sự phát triển của hệ thống công nghệ - thông tin*

Công nghệ thông tin là một trong các động lực quan trọng nhất của sự phát triển, cùng với một số ngành công nghệ cao khác đang làm biến đổi sâu sắc đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội của thế giới hiện đại. Hầu hết các ngành nghề, các lĩnh vực hay hoạt động trong xã hội hiện đại cũng cần tới sự góp mặt của công nghệ thông tin trong đó các phần mềm "Một cửa liên thông" là tiêu biểu cho việc ứng dụng kết quả khoa học, công nghệ vào hoạt động chứng thực, tư pháp tại các phường, xã. Do vậy, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin là một nhiệm vụ ưu tiên trong chiến lược cải cách tư pháp, là phương tiện chủ lực đi tắt đón đầu, rút ngắn khoảng cách phát triển so với các nước đi trước.

## Tiểu kết chương

Chương 1 đã phân tích được khái niệm, đặc điểm, nội dung, nguyên tắc, thẩm quyền chứng thực của UBND cấp xã; vai trò, nội dung và yêu cầu pháp luật về chứng thực của UBND cấp xã. Các quy định pháp luật về chứng thực là công cụ và là cơ sở để tạo ra chuẩn mực hoạt động về chứng thực nói chung và ở cấp xã nói riêng. Thực hiện các quy định pháp luật về chứng thực tại UBND cấp xã được tiến hành trên ba bình diện: triển khai thực hiện pháp luật, áp dụng pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật. Trong đó, triển khai thực hiện pháp luật là tiền đề, thực hiện áp dụng pháp luật, là yếu tố quyết định sự tuân thủ nghiêm minh các quy định pháp luật về chứng thực nói chung và tại UBND cấp xã nói riêng. Trong đó thanh tra, kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện những sơ hở, khiếm khuyết, vi phạm pháp luật để có biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời; nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức đồng thời, phát huy dân chủ cơ sở trong hoạt động chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã

# Chương 2
# THỰC TRẠNG CHỨNG THỰC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

## 2.1. Các đặc điểm của hoạt động chứng thực của Ủy ban nhân dân phường quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

*2.1.1. Đặc điểm tự nhiên và kinh tế - xã hội quận Nam Từ Liêm*

Quận Nam Từ Liêm được thành lập theo Nghị quyết số 132/NQ-CP ngày 27/12/2013 của Chính phủ về điều chỉnh địa giới hành chính huyện Từ Liêm để thành lập 02 quận và 23 phường thuộc Thành phố Hà Nội. Quận Nam Từ Liêm được thành lập trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của các xã: Mễ Trì, Mỹ Đình, Trung Văn, Tây Mỗ, Đại Mỗ; một phần diện tích và dân số xã Xuân Phương (phía nam Quốc lộ 32); một phần diện tích và dân số thị trấn Cầu Diễn (phía nam Quốc lộ 32 và phía đông Sông Nhuệ). Quận Nam Từ Liêm có diện tích tự nhiên là 3.227,36 ha, dân số 232.894 người.

Địa giới hành chính quận Nam Từ Liêm:

- Phía đông giáp quận Thanh Xuân và Cầu Giấy;
- Phía tây giáp huyện Hoài Đức;
- Phía nam giáp quận Hà Đông;
- Phía bắc giáp quận Bắc Từ Liêm.

Quận Nam Từ Liêm có nhiều công trình kiến trúc hiện đại và quan trọng của Quốc gia và Thủ đô Hà Nội trong phát triển kinh tế - chính trị - xã hội và văn hóa. Quận cũng là địa phương có tốc độ đô thị hóa nhanh và mạnh mẽ trong các quận, huyện thuộc Thành phố, với nhiều dự án trọng điểm đã và đang được triển khai.

Là một phần của vùng đất Từ Liêm, quận Nam Từ Liêm có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời, mang đặc trưng của nền văn minh sông Hồng rực rỡ và

gắn liền với những thăng trầm lịch sử của đất Thăng Long – Hà Nội ngàn năm văn hiến.

*Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng*

Để duy trì tăng trưởng kinh tế, Nam Từ Liêm đã triển khai nhiều nhiệm vụ để tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển, tập trung thực hiện các biện pháp thu hút các doanh nghiệp vào sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thông qua giải quyết tốt các thủ tục về thuế, cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công tác giải phóng mặt bằng… Với vị trí thuận lợi, mang tính chiến lược, quận Nam Từ Liêm có điều kiện phát triển các ngành kinh tế, đặc biệt là các ngành dịch vụ chất lượng cao như giáo dục, viễn thông, ngân hàng…

Năm 2014 - 2017, tốc độ tăng giá trị sản xuất chung trên địa bàn quận ước tăng 16,2%, trong đó, giá trị sản xuất ngành thương mại dịch vụ tăng 18,1%; ngành công nghiệp xây dựng tăng 13,9%; ngành nông nghiệp giảm 0,1%. Với những nỗ lực trong công tác quản lý, thu ngân sách năm 2017 ước đạt hơn 10.600 tỷ đồng, bằng 168% dự toán, là đơn vị dẫn đầu về thực hiện thu ngân sách của thành phố. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Giá trị sản xuất nông nghiệp trên ha đất nông nghiệp ước đạt 129 triệu đồng/ha, đạt 100% so với kế hoạch.

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn quận vẫn đạt được những kết quả tích cực, cơ bản hoàn thành xây dựng 5 trạm y tế phường, hoàn thành bàn giao và triển khai thi công 10 trường học, trong đó hoàn thành xây dựng 6 trường đạt chuẩn quốc gia; cơ bản hoàn thành dự án chiếu sáng đô thị 10 phường; xây dựng mới 15 dự án với 21 nhà văn hóa tổ dân phố, tu bổ 3 di tích văn hóa; xây dựng 3 trụ sở làm việc cho 3 phường còn thiếu khi thành lập quận.

Chú trọng vào công tác giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội, Nam Từ Liêm đã tổ chức các phiên giao dịch việc làm, vay vốn từ quỹ quốc

gia giải quyết việc làm; đào tạo nghề; tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích người lao động tự tạo việc làm… Quận đã hỗ trợ, tạo việc làm cho 3.782 lao động, đạt 108% kế hoạch. Giảm nghèo cả năm giảm 60 hộ, đạt 120% kế hoạch Thành phố và quận giao. Thực hiện chi trả, tặng quà cho các hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và người cao tuổi và các đối tượng xã hội đảm bảo tiến độ và đúng quy định.

*Về công tác cải cách thủ tục hành chính*

Giai đoạn 2014 - 2017, công tác cải cách hành chính của quận Nam Từ Liêm đã có nhiều chuyển biến tích cực. UBND quận Nam Từ Liêm đã được Sở Nội Vụ Hà Nội đánh giá đứng thứ 1/30 quận, huyện, thị xã trên toàn thành phố Hà Nội về công tác công tác cải cách hành chính năm 2017 với 90,35 điểm. Để đạt được đột phá trong công tác cải cách hành chính, quận Nam Từ Liêm đã đẩy mạnh thực hiện mô hình "Chính quyền, công sở thân thiện và trách nhiệm" với phương trâm 5 biết *( biết nghe dân nói, biết nói dân hiểu, biết làm dân tin, biết xin lỗi, biết cảm ơn*) và 5 rõ ( *rõ người, rõ trách nhiệm, rõ quy trình, rõ trách nhiệm, rõ hiệu quả*) và xây dựng kế hoạch hình ảnh cán bộ, công chức "Chuyên nghiệp, trách nhiệm, thân thiện" với 10 nguyên tắc ( *dân đến được chào hỏi, dân ở luôn tươi cười, dân hỏi được tư vấn, dân yêu cầu phải tận tâm, dân cần được thông báo, dân vọi giải quyết nhanh, dân chờ được xin lỗi, dân phàn làn phải lắng nghe, dân nhờ luôn chu đáo, dân về được hài lòng*) và 3 không ( *không chậm chễ giải quyết hồ sơ, không sách nhiễu phiền hà nhân dân, không để tổ chức cá nhan đi lại nhiều)*. Thực hiện quy trình liên thông các thủ tục hành chính, quận Nam Từ Liêm luôn là đơn vị đi đầu, thí điểm thực hiện nhiều thủ tục hành chính mới. Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính, đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết tiết kiệm thời gian cho người dân. Việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính được quan tâm và đạt được kết quả tích cực, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt cao, trong đó nhiều hồ sơ giải quyết trước hạn. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý

nhà nước được đẩy mạnh. Đồng thời tiếp tục thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 theo kế hoạch của Thành phố.

*2.1.2. Đặc điểm về chứng thực của Ủy ban nhân dân phường*

Qua khái quát về tình hình KT-XH của quận Nam Từ Liêm, có thể rút ra một số đặc điểm về chứng thực của UBND phường trên địa bàn quận Nam Từ Liêm như sau:

*Về phía ngành Tư pháp quận Nam Từ Liêm:* Sau hơn 4 năm thành lập quận Nam Từ Liêm, công tác quản lý Các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp của Quận đã triển khai thực hiện hiệu quả trong công tác cải cách hành chính. Thực hiện  tốt và quyết liệt Chỉ thị 01/CT-UBND ngày 03/2/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về tổ chức thực hiện năm "Kỷ cương hành chính"; Kế hoạch số128/KH-UBND ngày 28/03/2017 của UBND quận về việc siết chặt ký cương hành chính, đổi mới lề lối, tác phong làm việc tạo sự chuyển biến mạnh mẽ tích cực trong thi hành công vụ của cán bộ công chức, viên chức quận Nam Từ Liêm; Chỉ thị 08/CT-UBND của UBND quận Nam Từ Liêm về việc siết chặt thực hiện " Năm kỷ cương hành chính". Đồng thời Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường tinh thần trách nhiệm và hiệu quả công tác của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức quận Nam Từ Liêm. Công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế "một cửa" và"một cửa liên thông" bước đầu đạt kết quả tốt, và đứng đầu trên toàn Thành phố. Việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, điều hành, đặc biệt là thực hiện Đề án chính quyền điện tử quận đã góp phần đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả và tính minh bạch, công khai trong hoạt động của chính quyền các cấp; được xếp thứ 2 trên toàn Thành phố, có 100% thủ tục hành chính đạt mức độ 2 (230 thủ tục), trong đó 22% thủ tục hành chính đạt mức độ 3 (48 thủ tục). Tăng cường thực hiện quy chế làm việc, quan hệ phối hợp công tác giữa các phòng, ban, ngành quận và UBND các phường; thường xuyên cải thiện điều kiện làm việc, bồi dưỡng

nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đề cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ, công chức, viên chức, vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Do tách ra địa giới hành chính của xã Mễ Trì, Mỹ Đình, Xuân Phương, thị trấn Cầu Diễn ra làm hai phường vì vậy các phường bị chia tách tình trạng thiếu cơ sở vật chất, trụ sở Ủy ban phải đi mượn, thiếu cán bộ công chức nói chung và công chức Tư pháp nói riêng đã làm khó khăn trong hoạt động chứng thực của Ủy ban nhân dân phường. Đồng thời những thói quen, tàn dư của nền hành chính mệnh lệnh, xin cho, tính hách dịch, cửa quyền, nhũng nhiễu quan liêu vẫn còn, hình ảnh đó hưởng không nhỏ tới sự đổi mới tổ chức hoạt động và bộ máy hành chính của quận Nam Từ Liêm. Ngoài ra sự trải rộng của địa bàn dân cư cũng ảnh hưởng nhất định tới mức độ sâu sát của công tác quản lý nhà nước.

*Về phía các đối tượng có nhu cầu chứng thực*

*Ý thức pháp luật của người dân:* quận Nam Từ Liêm có diện tích rộng với 10 đơn vị hành chính cơ sở, trình độ dân trí không được đồng đều, do từ huyện ngoại thành nông thôn chuyển sang thành thị, tốc độ đô thị hóa rất nhanh, nhiều doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan Nhà nước đóng trên địa bàn, do đó có rất nhiều dân cư đến sinh sống tạm trú, làm việc. Nhiều người dân cũ của địa phương vẫn mang theo thói quen phong tục tập quán làng xã như trước đây theo kiểu thân quen, họ hàng, lệ làng với suy nghĩ là chỉ cần mang bản phô tô ra UBND mà không mang theo bản chính cũng làm chứng thực bản sao được. Do đó ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động chứng thực, quản lý nhà nước và mối quan hệ giữa người dân và chính quyền.

*Tính gia tăng về nhu cầu chứng thực:* Đây là hệ quả tất yếu của sự phát triển KT-XH của đô thị hóa của một quận mới thành lập. Khi số lượng dân số ngày càng gia tăng, nhu cầu tham gia vào các giao dịch ngày càng nhiều, thì tất yếu phải gia tăng nhu cầu chứng thực. quận Nam Từ Liêm trên địa bàn quận có 20.164 doanh nghiệp, trong đó chiếm tỷ lệ nhiều nhất là các doanh nghiệp tư

nhân (20.138 doanh nghiệp) và với dân số trên 232.894 dân, đặc biệt có nhiều trường đại học, cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp nên nhu cầu về chứng thực đã gia tăng rất nhiều để phục vụ cho các giao dịch của mỗi người dân.

**2.2. Các quy định pháp luật về chứng thực của Ủy ban nhân dân phường**

*2.2.1. Thực trạng các quy định về hoạt động chứng thực của Ủy ban nhân dân phường*

Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và có hiệu lực từ ngày 10/4/2015. Nghị định này quy định thẩm quyền, thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc; chứng thực bản sao từ bản chính; chứng thực chữ ký; chứng thực hợp đồng, giao dịch; giá trị pháp lý của bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính, chữ ký được chứng thực và hợp đồng, giao dịch được chứng thực; quản lý nhà nước về chứng thực.

Nghị định số 23/2015/NĐ- CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch là văn bản pháp luật hiện hành về chứng thực gồm 05 chương, 49 điều và phụ lục biểu mẫu kèm theo [30].

Nghị định này quy định về thẩm quyền, thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc; chứng thực bản sao từ bản chính; chứng thực chữ ký; chứng thực hợp đồng, giao dịch; giá trị pháp lý của bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính, chữ ký được chứng thực và hợp đồng, giao dịch được chứng thực; quản lý nhà nước về chứng thực. Theo đó: "Cấp bản sao từ sổ gốc" là việc cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc, căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao. Bản sao từ sổ gốc có nội dung đầy đủ, chính xác như nội dung ghi trong sổ gốc. "Chứng thực bản sao từ bản chính" là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này căn cứ vào bản chính để chứng thực bản sao là đúng với bản chính. "Chứng thực chữ ký" là việc cơ quan, tổ

chức có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản là chữ ký của người yêu cầu chứng thực. "Chứng thực hợp đồng, giao dịch" là việc cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này chứng thực về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch" [30].

Thẩm quyền và trách nhiệm chứng thực của UBND cấp xã:

a) Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận;

b) Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản, trừ việc chứng thực chữ ký người dịch;

c) Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản;

d) Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai;

đ) Chứng thực hợp đồng, giao dịch về nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở;

e) Chứng thực di chúc;

g) Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản;

h) Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là tài sản quy định tại các Điểm c, d và đ Khoản này.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện ký chứng thực và đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã [30].

- Thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính: Theo Quy định của Nghị định số 79/2007/NĐ- CP và Nghị định số 04/2012/NĐ- CP của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Nghị định số 79/2007/NĐ- CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký; thì UBND cấp xã có thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt [22]. Trong khi đó, các khái niệm về "giấy tờ, văn

bản bằng tiếng Việt", "giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài", "giấy tờ, văn bản song ngữ" cũng chưa được quy định cụ thể rõ ràng, từ những quy định có tính chất chung chung làm khó hiểu và nhận biết đó gây khó khăn cho cơ quan và người thực hiện chứng thực, chính vì vậy trong một số trường hợp yêu cầu chứng thực của người dân bị từ chối giải quyết thậm trí một số cơ quan có thẩm quyền chứng thực còn đùn đẩy, gây khó khăn cho người yêu cầu chứng thực.

Do đó, Nghị định 23/2015/NĐ- CP đã không lấy tiêu chí "ngôn ngữ thể hiện trên giấy tờ, văn bản" để xác định thẩm quyền chứng thực như Nghị định 79/2007/NĐ-CP mà theo hướng căn cứ vào cơ quan, tổ chức cấp hoặc chứng nhận giấy tờ, văn bản. Cụ thể: Phòng Tư pháp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận [30]; còn UBND cấp xã có thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận [30].

Đồng thời, để hướng dẫn thi hành Luật Công chứng 2014, Nghị định này cũng giao cho Công chứng viên của các tổ chức hành nghề công chứng có thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký tương đương như thẩm quyền của Phòng Tư pháp, trừ việc công chứng bản dịch phải được thực hiện theo quy định của Luật công chứng [30].

- Thẩm quyền chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản: Theo Nghị định số 79/2007/NĐ-CP và Nghị định số 04/2012/NĐ- CP thì chứng thực chữ ký trên giấy tờ, văn bản tiếng nước ngoài do Phòng Tư pháp thực hiện; UBND cấp xã không có thẩm quyền chứng thực này. Nghị định số

23/2015/NĐ-CP đã quy định Phòng Tư pháp và UBND cấp xã có thẩm quyền chứng thực như nhau, không phân biệt ngôn ngữ của giấy tờ văn bản [30].

- Thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch: Theo quy định của Nghị định số 75/2000/NĐ- CP thì UBND cấp huyện có thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến động sản có giá trị dưới 50 triệu đồng. Tuy nhiên, trên thực tế, việc định giá tài sản là rất khó khăn, hầu hết phụ thuộc vào việc khai nhận của người mua, bán tài sản. Bên cạnh đó, có rất nhiều các giao dịch liên quan đến động sản có giá trị thấp, giao dịch không phức tạp, giao dịch mua bán ô tô, xe máy cũ..là đối tượng giao dịch thường xuyên diễn ra hàng ngày thì người dân vẫn phải đến tổ chức hành nghề công chứng hoặc UBND cấp huyện thực hiện, điều này vừa gây phiền hà, tốn kém, mất thời gian cho người dân. Khắc phục tình trạng này, Nghị định 23/2015/NĐ- CP quy định Phòng Tư pháp và UBND cấp xã có thẩm quyền như nhau trong việc chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến động sản, không phụ thuộc vào giá trị của tài sản. Đồng thời Nghị định 23/2015/NĐ-CP còn quy định UBND cấp xã có quyền: Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai; Chứng thực hợp đồng, giao dịch về nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở; Chứng thực di chúc; Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản; Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là tài sản quy định tại các Điểm c, d và đ Khoản này [30].

Kế thừa các quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2007/NĐ- CP và tinh thần quán triệt chấp hành Chỉ thị số 17/2014/CT- TTg, Nghị định số 23/2015/NĐ- CP quy định: Cơ quan, tổ chức tiếp nhận bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực thì không được yêu cầu xuất trình bản chính, trừ trường hợp có căn cứ về việc bản sao giả mạo, bất hợp pháp thì yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc tiến hành xác minh, nếu thấy cần thiết [30]. Bên cạnh đó, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP đã thể hiện tinh thần cải cách thủ

tục hành chính trong lĩnh vực giao dịch hành chính giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân, đó là "Trường hợp pháp luật quy định nộp bản sao thì cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận bản sao, không được yêu cầu nộp bản sao có chứng thực, nhưng có quyền yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu" [30]. Quy định này đã hạn chế được hiện tượng "lạm dụng" bản sao có chứng thực và giảm thiểu tình trạng quá tải đối với UBND cấp xã, cấp huyện trong công tác chứng thực đồng thời tạo thuận lợi tối đa cho cá nhân tổ chức khi nộp hồ sơ, không gây phiền hà, lãng phí, tốn kém tiền của, thời gian cho cá nhân, tổ chức.

*Về thời hạn thực hiện chứng thực*

Đối với các trường hợp quy định cụ thể sau thì được kéo dài thời hạn:

- Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định tại Điều 7 của Nghị định này thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực [30].

Thời hạn chứng thực hợp đồng, giao dịch không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực [30].

Bên cạnh đó, ngoài việc nộp phí, lệ phí chứng thực theo quy định, cá nhân, tổ chức còn phải nộp chi phí khác nếu có yêu cầu in, chụp, đánh máy giấy tờ, văn bản phục vụ cho việc chứng thực của mình: Trong trường hợp người yêu cầu chứng thực đề nghị cơ quan thực hiện chứng thực in, chụp, đánh máy giấy tờ, văn bản thì phải nộp chi phí để thực hiện việc đó [30].

Đối với chứng thực bản sao từ bản chính: Người yêu cầu chứng thực bản sao từ bản chính phải xuất trình bản chính giấy tờ, văn bản làm cơ sở để

chứng thực bản sao và bản sao cần chứng thực. Trong trường hợp bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật trước khi yêu cầu chứng thực bản sao; trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi, có lại. Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực tiến hành sao chụp bản chính để thực hiện chứng thực, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức không có phương tiện để chụp [30].

Người thực hiện chứng thực tiến hành: Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với bản sao có từ hai trang trở lên thì ghi lời chứng vào trang cuối và phải đóng dấu giáp lai.

Đối với chứng thực chữ ký: Người yêu cầu chứng thực chữ ký phải xuất trình: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng; Giấy tờ, văn bản mà mình sẽ ký [30].

Thủ tục chứng thực chữ ký của nhiều người trong cùng một giấy tờ, văn bản; chứng thực chữ ký của người khai lý lịch cá nhân; chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập theo quy định của pháp luật; chứng thực chữ ký trong Giấy ủy quyền đối với trường hợp ủy quyền không có thù lao, không có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền và không liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng bất động sản cũng được áp dụng tương tự.

Đối với việc chứng thực hợp đồng, giao dịch: Người yêu cầu chứng thực nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ: Dự thảo hợp đồng, giao dịch; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực; Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối

với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó; trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng (bản sao giấy tờ xuất trình phải kèm bản chính để đối chiếu ). Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu chứng thực, nếu hồ sơ đầy đủ, tại thời điểm chứng thực các bên tham gia hợp đồng, giao dịch tự nguyện, minh mẫn và nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì thực hiện chứng thực [30].

Khi chứng thực hợp đồng, giao dịch chỉ thực hiện một thủ tục chứng thực chung về hợp đồng, giao dịch; không có các thủ tục riêng về chứng thực một số hợp đồng, giao dịch như Nghị định số 75/2000/NĐ- CP.

Đối với chứng thực bản sao từ bản chính: Người yêu cầu chứng thực bản sao phải chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp lệ, hợp pháp của bản chính giấy tờ, văn bản dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao; không được yêu cầu chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ văn bản thuộc các trường hợp quy định tại Điều 22 của Nghị định số 23/2015/NĐ- CP. Người thực hiện chứng thực có trách nhiệm kiểm tra bản chính, đối chiếu với bản sao nếu nội dung bản sao đúng với bản chính thì thực hiện chứng thực (bản chính không thuộc trường hợp không được dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao được quy định tại Điều 22 của Nghị Định số 23/NĐ- CP). Người thực hiện chứng thực tiến hành: Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực bản sao từ bản chính theo mẫu quy định; Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực [30].

Đối với chứng thực chữ ký: Người yêu cầu chứng thực chữ ký phải chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản mà mình ký để yêu cầu chứng thực chữ ký; không được yêu cầu chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản có nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 22 và Khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về

tính xác thực chữ ký của người yêu cầu chứng thực trong giấy tờ, văn bản [30].

Như vậy, có thể thấy cho đến nay, thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính đã được mở rộng tối đa để các tổ chức, cá nhân một "kênh" để lựa chọn. Điểm ưu việt tại Nghị định 23/2015/NĐ-CP là việc giao cho công chứng viên có thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính, đó là các công chứng viên luôn làm việc tại trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng để sẵn sàng giải quyết yêu cầu chứng thực của các tổ chức, cá nhân. Vì các công chứng viên không phải bận  họp hành và giải quyết các công việc khác ngoài chuyên môn. Mặt khác, việc giao trở lại cho công chứng viên có thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính vào thời điểm hiện nay là phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội vì sau một thời gian thực hiện xã hội hóa hoạt động công chứng, số lượng các tổ chức hành nghề công chứng và công chứng viên đã tăng lên đáng kể và các văn phòng công chứng được phân bố phù hợp theo từng địa bản, vị trí địa lý phù hợp với khu dân cư để phục vụ các tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu.

*2.2.2. Một số tồn tại, hạn chế của các quy định hiện hành đối với hoạt động chứng thực của Ủy ban nhân dân phường*

Bên cạnh những kết quả đạt được như trên thì các văn bản quy định về hoạt động chứng thực hiện này còn một số hạn chế như sau:

*Một là,* về những quy định chung Nghị định số 23/2015/NĐ- CP quy đinh quá đơn giản các thủ tục giấy tờ, đã đồng nhất tất cả các thủ tục như nhau, không quy định cụ thể từng loại giao dịch thì phải xuất trình giấy tờ gì. Chẳng hạn, đối với thủ tục phân chia về thừa kế, phân chia di sản, hợp đồng giao dịch về đất đai không quy định cụ thể các loại giấy tờ phải xuất trình để chứng minh quan hệ (ví dụ:  giấy chứng tử, giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn, sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân....). Do không quy định cụ thể các loại giấy tờ kềm theo này sẽ dẫn đến thực hiện, áp dụng không đồng nhất tại

mỗi xã, phường, thị trấn. Hơn nữa. Đối với chứng thực bản sao từ bản chính việc thay tiêu chí "ngôn ngữ thể hiện trên giấy tờ, văn bản" bằng tiêu chí "cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận" có thể lại gây ra những khó khăn trong việc xác định tính chất pháp lý của tổ chức, chức năng, nhiệm vụ đó là của các cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài hay liên kết. Do đó, để thực sự tạo thuận lợi cho người dân, thì phải quy định cụ thể thẩm quyền chứng thực bản sao giữa Phòng Tư pháp cấp huyện và UBND cấp xã, tức là người dân có yêu cầu chứng thực bản sao tại bất kỳ UBND cấp huyện hoặc cấp xã nào cũng đều được giải quyết, không phân biệt dựa vào tính chất của bản sao đó [30].

*Hai là,* về chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản được lập bằng tiếng nước ngoài Khoản 3 Điều 25 Nghị định số 23/2015/NĐ- CP quy định không được chứng thực chữ ký nếu giấy tờ, văn bản mà người yêu cầu chứng thực ký vào có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuyên truyền, kích động chiến tranh, chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc lịch sử dân tộc Việt Nam; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức; vi phạm quyền công dân. Khoản 4 Điều này cũng quy định không được chứng thực chữ ký trong giấy tờ, có nội dung là hợp đồng, giao dịch [30]... Quy định này không phát sinh vướng mắc nếu giấy tờ, văn bản mà người yêu cầu chứng thực sẽ ký vào được lập bằng Tiếng Việt, tuy nhiên nếu giấy tờ, văn bản này được lập bằng tiếng nước ngoài thì người thực hiện chứng thực bị hạn chế về ngoại ngữ đôi khi còn không hiểu nội dung của văn bản là gì, trong trường hợp văn bản bằng tiếng nước ngoài còn có thể không biết được nội dung của giấy tờ, văn bản là gì vì vậy giải quyết hay từ chối chứng thực là một vấn đề đặt ra cho công chức tiếp nhận hồ sơ chứng thực, nếu từ chối chứng thực thì không đúng quy định pháp luật.

*Ba là,* về trình tự thủ tục chứng thực chữ ký: Chưa có văn bản pháp luật nào quy định về việc phối hợp giữa cán bộ tư pháp và cán bộ một cửa trong việc tiếp nhận hồ sơ chứng thực chữ ký, trình tự, thủ tục, trách nhiệm, kiểm soát việc người yêu cầu chứng thực chữ ký vào giấy tờ và lãnh đạo ký chứng thực: Đối với trường hợp chứng thực chữ ký tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thì công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra các giấy tờ, nếu nhận thấy người yêu cầu chứng thực có đủ điều kiện thì đề nghị người đó ký vào giấy tờ cần chứng thực và chuyển cho người có thẩm quyền ký chứng thực [30]. Đồng thời mẫu lời chứng ghi "...chứng thực ông/bà... là người đã ký... trước mặt tôi" là không đúng với thực tế.

*Bốn là,* chưa quy định, hướng dẫn cụ thể về hình thức, nội dung, trình tự, thủ tục tiến hành chứng thực hợp đồng giao dịch; sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch do chưa có quy định cụ thể về hình thức, nội dung, trình tự, thủ tục tiến hành chứng thực hợp đồng, giao dịch nên gây khó khăn cho người thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch. Vì tại Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ- CP quy định người yêu cầu chứng thực phải dự thảo hợp đồng, giao dịch; và người thực hiện chứng thực có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu chứng thực nhưng không phải chịu trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp của nội dung hợp đồng; Điều 38 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định về chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực. Tuy nhiên, quy định này chỉ mang tính nguyên tắc, chưa quy định thành phần hồ sơ mà người yêu cầu chứng thực phải nộp, cũng như chưa có quy định về trình tự, thủ tục giải quyết [30]. Do đó gây khó khăn cho cơ quan thực hiện chứng thực khi triển khai quy định này.

*Năm là,* chưa có quy định về vấn đề chia sẻ thông tin ngăn chặn và thông tin về giao dịch đã công chứng, chứng thực. Vì các tổ chức hành nghề công chứng đã thiết lập mạng UCHI để chia sẻ thông tin. Do vậy trường hợp các giao dịch như chuyển nhượng, thế chấp, di chúc, đặt cọc, ủy quyền, cho

thuê, cho mượn….. được thực hiện chứng thực tại các UBND cấp xã sẽ không nắm được các thông tin do pháp luật không yêu cầu phải đăng ký các giao dịch này ở phường. Thực tế, đã có những trường hợp giao dịch khi bị ngăn chặn khi công dân không thực hiện được ở các tổ chức hành nghề công chứng, người dân liền tìm đến UBND cấp xã để chứng thực hoặc ngược lại. Kết quả là cùng lúc một tài sản được đem đi giao dịch chuyển nhượng, tặng cho ... với nhiều người, dẫn đến các tranh chấp, khiếu kiện.

*Sáu là,* bất cập trong trường hợp bản chính đã có sự thay đổi so với bản sao có chứng thực mà công dân xuất trình bản sao để làm thủ tục hành chính liên quan đến một hồ sơ nào đó thì tại Điều 6 Nghị định số 23/2015/NĐ- CP quy định người dân đã xuất trình bản sao có chứng thực thì các cơ quan không được yêu cầu xuất trình bản chính một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, mặt khác cũng gây khó khăn cho cơ quan tiếp nhận vì bản chính các giấy tờ qua thời gian cũng có biến động, chuyển dịch, thay đổi, cải chính. Đây là kẽ hở để kẻ gian cố tình lợi dụng để làm việc vi phạm pháp luật. Thực tế có nhiều người dân xuất trình bản sao có chứng thực cũ trong khi bản chính đã có sự thay đổi nội dung.

Đặc biệt trong thực tế vì Nghị định 23/2015/NĐ-CP không quy định bản chính dùng để chứng thực bản sao thì bản chính có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai của cơ quan ban hành thì mới đủ điều kiện chứng thực bản sao từ bản chính. Thực tế người yêu cầu đã mang văn bản có hai trang nhưng không dấu giáp lại đề nghị chứng thực. Đây cũng là một kẽ hở rất nguy hiểm để một số kẻ gian am hiểu pháp luật lợi dụng thay đổi nội dung để làm việc vi phạm pháp luật.( ví dụ: Như các hợp đồng mua bán chuyển nhường quyền sử dụng đất thì người yêu cầu chứng thực có thể thay đổi nội dung trong hợp đồng vì vậy dẫn đến hậu quả rất nguy hiểm). Đồng thời Nghị định 23/2015/NĐ-CP không quy định chứng thực bản sao từ bản chính cơ quan chứng thực phải lưu 01 bản, việc không lưu bản sao chứng thực tại cơ

quan chứng thực sẽ làm phát sinh khi bản sao chứng thực bị kẻ sấu tẩy xóa , sửa chữa làm thay đổi nội dung để sử dụng vào mục đích phi pháp thì khi xử lý, giải quyết liên quan đến văn bản, giấy tờ đó sẽ không có căn cứ, cơ sở xác minh đối chiếu để xử lý người vi phạm.

*Bẩy là,* Nghị định số 23/2015/NĐ- CP quy định: "...Trong trường hợp người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc là người được quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 16 của Nghị định này thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh quan hệ với người được cấp bản chính" [30]. Việc không quy định cụ thể các loại giấy tờ cần xuất trình để chứng minh mối quan hệ sẽ dẫn đến việc áp dụng tùy tiện tại các địa phương khác nhau.

*Tám là,* có sự mâu thuẫn giữa Nghị định số 23/2015/NĐ- CP và một số văn bản hành chính. Trong quá trình triển khai và thực hiện Nghị định 23/2015/NĐ-CP thì Bộ Tư pháp có Văn bản số 2271/BTP- BTTP ngày 29/6/2015 của Bộ Tư pháp và và Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội có văn bản số 2354/UBND-NC ngày 10/4/2015 của UBND thành phố Hà Nội lại quy định: Đối với các địa bàn đã thực hiện chuyển giao chứng thực hợp đồng, văn bản từ UBND cấp xã sang các tổ chức hành nghề công chứng thì UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định giữ nguyên việc chuyển giao để tránh gây xáo trộn, khó khăn cho người dân" [30]

*Chín là,* quy định thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực gây khó khăn cho cán bộ công chức thực hiện chứng thực

Theo quy định của Nghị định 23/2015/NĐ-CP: thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngày trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ (trừ trường hợp số lượng hồ sơ lớn thì được hẹn trả trong vòng 02 ngày, song các quy định pháp luật không quy định rõ thế nào là số lượng hồ sơ lớn). Thông tư số 01/2009/TTLT-TP-NV của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ có quy định công chức tư pháp phải tham mưu, thực hiện thêm nhiều nhiệm vụ

khác,  thực tế có nhiều vụ việc công chức Tư pháp phải trực tiếp xuống các tổ dân phố để xác minh thông tin, họp giao ban với phòng Tư pháp, phối hợp với Đội thi hành án của quận trong thi hành án dân dự, hòa giải, xác minh một số việc về hộ tịch theo quy định của Luật Hộ tịch. tham mưu, phối hợp giải quyết khiếu nại tố cáo, tham gia giải phóng mặt bằng các dự án. Do tính chất công việc và quy định phân công nhiệm vụ thì công chức Tư pháp không thể đáp ứng và thực hiện tốt công việc giải quyết hồ sơ chứng thực theo đúng quy định của pháp luật.

**2.3. Thực tiễn chứng thực Ủy ban nhân dân phường tại quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**

*2.3.1. Những kết quả đạt được*

2.3.1.1. Về các quy định hiện hành đối với hoạt động chứng thực

Thời gian qua bên cạnh việc thực hiện các quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ- CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, Thông tư 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/05/2018 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng của Bộ Tư pháp thì hoạt động thực hiện công tác chứng thực của UBND các phường trên địa bàn quận Nam Từ Liêm căn cứ vào một số văn bản của thành phố Hà Nội để thực hiện các công tác của mình là: Quyết định số 5117/QĐ-UBND ngày 8/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố TTHC lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Hiên nay trên thủ tục chứng thực thực hiện theo Quyết định số 5102/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 về việc công bố TTHC lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn Thành phố

Hà Nội . Các quy định của pháp luật hiện nay về hoạt động chứng thực có những kết quả cụ thể sau:

*Một là,* đã quy định rõ ràng thẩm quyền trách nhiệm chứng thực. Việc chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký không phụ thuộc vào nơi cư trú của cá nhân hay trụ sở của tổ chức có yêu cầu chứng thực: Người yêu cầu chứng thực có quyền yêu cầu chứng thực tại bất kỳ cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nào thuận tiện nhất.

*Hai là,* khẳng định giá trị pháp lý của giấy tờ, văn bản đã được chứng thực và quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức khi tiếp nhận bản sao đã được chúng thực.

*Ba là,* quy định cụ thể thời hạn trả kết quả yêu cầu chứng thực

*Bốn là,* quy định cụ thể các loại phí, lệ phí phải nộp theo quy định và các loại chi phí khác phải nộp.

*Năm là,* quy định người yêu cầu chứng thực phải chịu trách nhiệm nội dung của giấy tờ, văn bản khi yêu cầu chứng thực.

*Sáu là*, Quy định thủ tục chứng thực đối với tùng loại việc cụ thể như quy định: chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng giao dịch.

2.3.1.2. Về thực tiễn chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường

Đội ngũ công chức Tư pháp - hộ tịch 10 phường có 14 công chức Tư pháp và 06 cán bộ hợp đồng. Trong đó có 04 công chức có trình độ Thạc sỹ Luật, 10 công chức và 06 cán bộ hợp đồng có bằng cử nhân Luật.

Ủy ban nhân dân của 10 phường trên địa bản quận Nam Từ Liêm đã nghiêm túc thực hiện tiếp nhận và trả kết quả hành chính theo cơ chế " Một cửa" các thủ tục hành chính trong đó có thủ tục chứng thực, các thủ tục hàng chính được niêm yết, công khai, 10 phường xây dựng và áp dụng trình tự, thực hiện tiếp nhận và giải quyết , trả kết quả thủ tục hành chính áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001-2008. Tại Bộ phận "một cửa" niêm yết công khai nội quy,

quy chế hoạt động của bộ phận "một cửa" niêm yết mức thu phí; niêm yết danh sách công chức làm việc tại bộ phận một cửa; các đường dây nóng tiếp nhận ý kiến, phản ảnh của tổ chức, công dân của UBND quận và Thành phố và lãnh đạo của các phường; hòm thư góp ý để kip thời tiếp nhận xử lý thông tin hạn chế tối đa các tiêu cực pháp sinh trong quá trình tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính nói chung và thủ tục chứng thực nói riêng.

Việc thực hiện và tiếp nhận thủ tục chứng thực của UBND cấp xã được quy định tại Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/05/2018 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng của Bộ Tư pháp gồm các bước chung như sau [14]:

* Đối với thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận

- *Trình tự thực hiện:*

+ Người yêu cầu chứng thực phải xuất trình bản chính giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao và bản sao cần chứng thực.

+ Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì cơ quan, tổ chức tiến hành chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức không có phương tiện để chụp.

+ Người thực hiện chứng thực kiểm tra bản chính, đối chiếu với bản sao, nếu nội dung bản sao đúng với bản chính. Bản chính giấy tờ, văn bản không thuộc các trường hợp bản chính giấy tờ, văn bản không được dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao thì thực hiện chứng thực như sau: Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực bản sao từ bản chính theo mẫu quy định; Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực.

Đối với bản sao có từ 02 (hai) trang trở lên thì ghi lời chứng vào trang cuối, nếu bản sao có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.

Mỗi bản sao được chứng thực từ một bản chính giấy tờ, văn bản hoặc nhiều bản sao được chứng thực từ một bản chính giấy tờ, văn bản trong cùng một thời điểm được ghi một số chứng thực.

+ Người yêu cầu chứng thực nhận kết quả tại nơi nộp hồ sơ.

* Đối với thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)

- Trình tự thực hiện:

+ Người yêu cầu chứng thực chữ ký/điểm chỉ/không thể ký, không thể điểm chỉ được phải xuất trình các giấy tờ phục vụ việc chứng thực chữ ký.

+ Trong trường hợp người yêu cầu chứng thực không thông thạo tiếng Việt thì phải có người phiên dịch. Người phiên dịch phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thông thạo tiếng Việt và ngôn ngữ mà người yêu cầu chứng thực sử dụng. Người phiên dịch do người yêu cầu chứng thực mời hoặc do cơ quan thực hiện chứng thực chỉ định. Thù lao phiên dịch do người yêu cầu chứng thực trả.

+ Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ yêu cầu chứng thực, nếu thấy đủ giấy tờ theo quy định, tại thời điểm chứng thực, người yêu cầu chứng thực minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình và việc chứng thực không thuộc các trường hợp không được chứng thực chữ ký thì yêu cầu người yêu cầu chứng thực ký/điểm chỉ trước mặt và thực hiện chứng thực như sau: Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực chữ ký theo mẫu quy định; Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực.

Đối với giấy tờ, văn bản có từ (02) hai trang trở lên thì ghi lời chứng vào trang cuối, nếu giấy tờ, văn bản có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.

+ Đối với trường hợp chứng thực chữ ký/điểm chỉ/không thể ký, không thể điểm chỉ được tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thì công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra các giấy tờ, nếu nhận thấy người yêu cầu chứng thực có đủ điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì đề nghị người yêu cầu chứng thực ký/điểm chỉ vào giấy tờ cần chứng thực và chuyển cho người có thẩm quyền ký chứng thực [30].

- Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Cơ quan đại diện, Phòng Tư pháp, UBND cấp xã hoặc ngoài trụ sở của cơ quan thực hiện chứng thực nếu người yêu cầu chứng thực thuộc diện già yếu, không thể đi lại được, đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác.

Kết quả thống kê cho thấy, việc tổ chức thực hiện chứng thực tại UBND các phường trên địa bàn quận Nam Từ Liêm từ ngày 01/04/2014 đến nay như sau:

* Năm 2014 [83]: Cấp bản sao từ sổ gốc: 26.715 bản; Chứng thực bản sao từ bản chính: 201.018 bản; Chứng thực chữ ký: 2.915 việc

* Năm 2015 [84]: Cấp bản sao từ sổ gốc: 46.819 bản; Chứng thực bản sao từ bản chính: 243.016 bản; Chứng thực chữ ký: 3.705 việc

* Năm 2016 [85]: Cấp bản sao từ sổ gốc: 18.751 bản; Chứng thực bản sao từ bản chính: 314.525 bản; Chứng thực chữ ký: 4.012 việc

* Năm 2017 [86]: Cấp bản sao từ sổ gốc: 59.863 bản; Chứng thực bản sao từ bản chính: 336.028 bản; Chứng thực chữ ký: 4.891 việc , chứng thực hợp đồng giao dich: 18 việc

Với kết quả số liệu trên cho thấy nhu cầu về chứng thực có xu hướng tăng lên ngày càng nhiều xong công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục chứng thực đạt hiệu quả và đảm bảo đúng quy định, quy trình.

*2.3.2. Những tồn tại, hạn chế*

*Thứ nhất,* về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác chứng thực:

Hiện tại trên địa bản quận Nam Từ Liêm còn có phường Phú Đô, Mỹ Đình 2 trụ sở Ủy ban vẫn phải đi mượn, phường Trung Văn, Phương Canh, Mễ Trì, trụ sở được xây dựng từ nhiều năm đã xuống cấp, diện tích của Bộ phận tiếp nhận hồ sơ chật hẹp không đảm bảo theo quy định của Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 08/03/2016 của UBND thành phố Hà Nội do đó làm ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động chứng thực.

Nghị định 23/2015/NĐ- CP quy định "Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì cơ quan, tổ chức tiến hành chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực trừ trường hợp cơ quan, tổ chức không có phương tiện để chụp" [30]. Quy định này rất thông thoáng cho cả công dân và cán bộ làm công tác chứng thực.

Tuy nhiên để tạo thuận lợi và đáp ứng kịp thời yêu cầu của công dân, tổ chức khi có yêu cầu chứng thực, đồng thời để đảm bảo tính chính xác đối với bản sao được chứng thực từ bản chính (đặc biệt là các bản chính có nhiều trang, bản sao có số lượng nhiều) thì tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Hồ sơ hành chính của mỗi phường cần trang bị máy phô tô để phục vụ cho việc sao chụp các giấy tờ, văn bản công dân cần sao.

Trong thực tế đã có trường hợp công dân đã lợi dụng việc không trang bị máy pho tô cho việc phục vụ chứng thực của một số phường đồng thời cũng tìm hiểu trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một số công chức Tư pháp mà đặc biệt là đối với cán bộ Tư pháp làm hợp đồng mới được tuyển dụng làm công tác chứng thực của một số Ủy ban nhân dân phường yêu cầu chứng thực và xuất trình 01 bản chính và hàng trăm bản sao được photo từ bản chính đã cài kẹp vào một vài bản photo không đúng với bản chính để làm chứng thực. Nếu công chức tư pháp hoặc cán bộ tư pháp làm hợp dồng thực hiện chứng thực thiếu tinh thần trách nhiệm, không có kinh nghiệm thực tiễn thì sẽ rất dễ mắc vi phạm. Do đó, việc trang bị máy photo cho tất cả các phường để phục vụ cho công tác chứng thực là rất cần thiết.

*Thứ hai,* về trình tự thủ tục chứng thực

Do các phường từ nông thôn chuyển sang thành thị một số trường hợp công dân do họ hàng, quen biết, bạn bè với Chủ tịch, phó Chủ tịch đã đến phòng làm việc gặp trực tiếp lãnh đạo để xin ký rồi mang xuống bộ phận "một cửa", văn phòng UBND phường đóng dấu ủy ban và lấy số chứng thực. Tình trạng này xảy ra không nhiều, tuy nhiên khi việc thực hiện chứng thực với bản chính không đúng quy trình, đồng thời khi chủ tịch, phó chủ tịch đã ký văn bản thì công chức tư pháp lại yêu cầu xuất trình bản chính để kiểm tra đối chiếu lại hoặc trong trường hợp từ chối không đóng dấu chứng thực do bản chính giấy tờ, văn bản không đủ điều kiện để chứng thực bản sao, chứng thực chữ ký theo quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì sẽ gặp phải sự phản kháng quyết liệt giữa công dân có yêu cầu chứng thực và công chức Tư pháp.

Đặc biệt là khi văn bản, giấy tờ đến Ủy ban chứng thực bản sao từ bản chính bị tẩy xóa, sửa chữa... không đủ điều kiện để chứng thực theo quy định, hoặc chứng thực chữ ký về nguyên tắc trước khi ký người yêu cầu chứng thực phải xuất trình chứng minh nhân, hộ chiếu tuy nhiên người yêu cầu chứng thực không mang theo chứng minh nhân, hộ chiếu theo quy định bị công chức tiếp nhận hồ sơ từ chối tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ hành chính nhưng do quen biết, họ hàng, hàng xóm, thân quen với cán bộ ủy ban thì cán bộ đó lại mang lên phòng Chủ tịch hoặc phó Chủ tịch để xin thì các đồng chí lãnh đạo ký, điều đó dẫn đến hiểu nhầm giữa công dân với cán bộ chuyên môn. Gây áp lực đối với cán bộ chuyên môn thực thi nhiệm vụ.

*Thứ ba,* việc thực hiện liên thông các thủ tục hành chính, lấy số chứng thực: Chưa có sự thực hiện đồng nhất giữa các phường. Đa số các phường trên địa bàn quận Nam Từ Liêm đã thực hiện nghiêm minh việc cập nhật phần mềm "Một cửa liên thông", tuy nhiên vẫn còn một vài phường thực hiện chưa nghiêm . Đó là hồ sơ nào thu phí thì nhập vào phần mềm quản lý còn hồ sơ

nào không thu phí thì không nhập dẫn đến hồ sơ chứng thực không khớp với số chứng thực cập nhật trên phần mềm quản lý liên thông.

*Thứ tư,* thu phí chứng thực sơ yếu lý lịch: Theo quy định tại điểm b, Khoản 4, Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ- CP thì sơ yếu lý lịch được chứng thực theo thủ tục chứng thực chữ ký và phí chứng thực chữ ký là 10.000đồng/1 trường hợp. Tuy nhiên, còn có một số phường trên địa bàn quận Nam Từ Liêm vẫn còn tình trạng thực hiện theo thủ tục xác nhận lý lịch không thực hiện chứng thực chữ ký trong hồ sơ là lý lịch theo quy định của Nghị định 23/2015/NĐ-CP mà thực hiện xác nhận thông thường ( ví dụ như xác nhận hộ khẩu thưởng trú vào lý lịch) vào lý lịch và chỉ thu 2.000đồng/ 1 bản vì có quan điểm cho rằng để tạo thuận lợi cho công dân không phải đến Ủy ban để ký tên vào tờ lý lịch và mỗi một trường hợp làm xác nhận lý lịch thực hiện theo trình tự thủ tục chứng thực chữ ký và lưu hồ sơ chứng thực chữ ký mất nhiều thời gian [30].

*Thứ năm,* về thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực: Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được đảm bảo ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo... Tuy nhiên, trên thực tế do quận Nam Từ Liêm tốc độ đô thị hóa rất nhanh, dân số đông, nhu cầu chứng thực rất nhiều, đồng thời các đồng chí chủ tịch và đồng chí phó chủ tịch đều bận họp và xử lý nhiều việc liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước của phường nên hồ sơ chứng thực không thể giải quyết đúng hẹn cho công dân theo quy định, từ đó gây ra sự bức xúc cho công dân có yêu cầu đặc biệt là những công dân cần hồ sơ gấp để nộp ( ví dụ vào các đợt học sinh, sinh viên nhập học) đồng thời không phải đồng chí chủ tịch, phó chủ tịch nào cũng được đào tạo, hay học Luật do vậy lãnh đạo một số Ủy ban phường trình độ nghiệp vụ cũng hạn chế. Thực tế có Ủy ban phường thực hiện tiếp nhận hồ sơ chứng thực buổi sáng và hẹn trả kết quả buổi chiều và nhận hồ sơ buổi chiều và hẹn trả kết quả buổi sáng hôm sau.

*2.3.3. Nguyên nhân*

*Thứ nhất,* chứng thực chưa ban hành luật chuyên ngành về chứng thực

Pháp luật về chứng thực là pháp luật về hình thức (pháp luật về thủ tục). Vì vậy, việc áp dụng và thực hiện hoạt động pháp luật chứng thực phụ thuộc rất nhiều vào các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến hoạt động chứng thực, là các quy định về nội dung thuộc các chuyên ngành khác nhau như: dân sự, đất đai, nhà ở... Thực tế, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động chứng thực thường có sự sửa đổi, bổ sung , thay thế. Hiện nay pháp luật về chứng thực ở Việt Nam mới ban hành Nghi định , trong khi các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan đến lĩnh vực chứng thực đã được  Nhà nước ban hành Luật như: Luật Hôn nhân gia đình, Luật Nhà ở, Luật Đất đai, Luật Kinh tế… Vì vậy sự tuân thủ của các cơ quan, tổ chức có liên quan đến hoạt động chứng thực còn chưa cao đôi khi còn thiếu tính khả thi thực hiện do bị chi phối bởi nhiều các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Theo Luật Công chứng và Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, việc chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ tài liệu và chứng thực chữ ký được thực hiện tại các tổ chức hành nghề công chứng, UBND xã (phường, thị trấn) và Phòng Tư pháp cấp huyện; Ngoài ra, UBND cấp xã còn có thẩm quyền chứng thực các hợp đồng giao dịch; cấp bản sao từ sổ gốc. Tuy nhiên, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Công văn số 2354/UBND-NC ngày 10/4/2015 về việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất, nhà trên địa bàn thành phố Hà Nội quy định: các Hợp đồng giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất, nhà do các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện việc công chứng. Đối với các giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất chưa được cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân thì hộ gia đình cá nhân được lựa chọn giữa công chứng tại tổ chức hành nghề công chứng trên địa

bàn thành phố hoặc chứng thực tại UBND cấp xã nơi có đất. Trong khi đó, Luật Đất đai 2013, Bộ Luật Dân sự 2015 và Luật Nhà ở vẫn quy định cho UBND cấp xã và cấp huyện được chứng thực 1 số giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất và nhà ở.

*Thứ hai,* việc tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về chứng thực

Về triển khai thực hiện các quy định pháp luật về chứng thực tại các địa phương trên cả nước chưa thực sự đồng bộ và có hiệu quả. Chưa thực sự quan tâm đến công tác quản lý nhà nước về hành chính tư pháp trong đó có hoạt động chứng thực, nhất là việc hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động chứng thực. Về áp dụng các quy định pháp luật về chứng thực: Đối với hoạt động chứng thực, báo cáo của Bộ Tư pháp cho biết cũng còn nhiều bất cập như một số UBND cấp huyện, xã vẫn chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu của nhân dân, có hiện tượng quá tải trong việc chứng thực bản sao tại một số nơi, một số thời điểm, đồng thời do chưa có sự vào cuộc đồng bộ của các cơ quan có liên quan dẫn đến tình trạng lạm dụng bản sao trong khi pháp luật đã quy định chỉ cần có bản chính để đối chiếu; chất lượng văn bản chứng thực trong một số trường hợp chưa bảo đảm; còn tồn tại một số trường hợp thu lệ phí chứng thực không đúng quy định...

Việc kiểm tra, đối chiếu giữa bản chính và bản sao trong chứng thực bản sao từ bản chính ở một số đơn vị còn dễ dãi, tuỳ tiện, dẫn đến một số trường hợp văn bản không phải là bản chính hoặc bản chính có sửa chữa, tẩy xoá vẫn chứng thực; một số đơn vị chưa thực hiện việc ghi sổ theo quy định, ghi chép sổ chứng thực không đầy đủ.

*Thứ ba*, nhận thức về chứng thực còn nhiều bất cập

Xét về phương diện lý thuyết cũng như thực tiễn, để tổ chức, hoạt động chứng thực đạt hiệu quả cao, đảm bảo phát huy vai trò chứng thực trong đời sống xã hội, trước hết, cần có nhận thức đúng về chứng thực, trên cơ sở làm rõ các vấn đề lý luận: Khái niệm, bản chất chứng thực, chức năng, vai trò

chứng thực trong nền kinh tế thị trường, trong việc phát huy dân chủ và xây dựng Nhà nước pháp quyền…

Tuy nhiên, ở nước ta, vấn đề lý luận về chứng thực chưa thật sự được chú trọng nghiên cứu. Có thể nói, một trong các nguyên nhân dẫn đến tình trạng yếu kém là do chưa có được nhận thức đầy đủ về chứng thực. Bên cạnh đó, mặc dù thể chế chứng thực đã được sửa đổi nhưng các quy định của pháp luật về chứng thực vẫn còn nhiều hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách hành chính nên chưa tạo được sự chuyển biến căn bản về tổ chức và hoạt động chứng thực.

*Thứ tư,* công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục các quy định pháp luật về chứng thực chưa được coi trọng.

Hiện nay, chương trình tuyên truyền phổ biến giáo các quy định pháp luật về chứng thực nằm trong chương trình chung của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp thành phố Hà Nội hàng năm. Song mảng tuyên truyền về chứng thực rất nhỏ chưa thực sự quan tâm, được đề cập rất ít. Đến ngay một số cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan nhà nước cũng chưa hiểu rõ được thuật ngữ thế nào là "công chứng" và "chứng thực".

*Thứ năm,* hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát còn chưa đáp ứng được yêu cầu Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát về tình hình tổ chức, hoạt động chứng thực của cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương và các tổ chức hành nghề công chứng còn chưa chặt chẽ, không thường xuyên nên dẫn đến việc phát hiện, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn, chấn chỉnh, ngăn chặn xử lý kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật đôi khi còn chưa hiệu quả, việc xử lý các vi phạm của người thực hiện chứng thực chưa nghiêm minh.

Công tác hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Tư pháp, Sở tư pháp, Phòng Tư pháp đôi khi chưa kịp thời với thực tiễn, thực tiễn một số địa phương có công văn xin hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết từng trường

hợp còn trả lời còn chậm, dẫn đến có những sai sót ở cơ sở trong quá trình thực hiện.

*Đối với các hạn chế trong thực thi các quy định về chứng thực tại UBND phường trên địa bàn quận Nam Từ Liêm.*

Nguyên nhân cụ thể của UBND các phường qua thực tiễn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội Bên cạnh những nguyên nhân chung nói trên, còn có một số nguyên nhân cụ thể tại UBND phường trên địa bàn quận Nam Từ Liêm như sau:

*Thứ nhất,* công tác chứng thực còn chưa thực sự được quan tâm, Phòng Tư pháp còn chỉ đạo chưa quyết liệt công tác chứng thực vì khi xã hội, kinh tế càng phát triển thì nhu cầu chứng thực càng nhiều, nhằm đáp ứng các yêu về giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại và một số các giao dịch khác của cá nhân, tổ chức. Song cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác chứng thực cũng không được quan tâm đầu tư thích đáng và kịp thời. Nghị định số 23/2015/NĐ-CP mới chỉ dừng lại ở quy định nếu cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu chứng thực có phương tiện để chụp bản sao từ bản chính để chứng thực thì chụp cho công dân và công dân phải chịu phí dịch vụ cho việc sao chụp (phô tô, đáng máy) [30]. Việc một số phường còn chưa đầu tư máy phô tô copy phục vụ cho công tác chứng thực sẽ dẫn đến nhiều rủi ro cho công chức Tư pháp thực hiện chứng thực. Nếu các phường trên địa bàn quận được trang bị  máy phô tô copy và bố trí một lao động hợp đồng để pho tô phục vụ cho công tác chứng thực sẽ giảm tải áp lực đối với công chức Tư pháp thực hiện chứng thực và tạo thuận lợi cho công dân có yêu cầu, đảm bảo thời gian giải quyết hồ sơ trong buổi, trong ngày làm việc và đảm bảo tính chính xác cao. Bởi lẽ, thay vì công chức Tư pháp thực hiện chứng thực phải đối chiếu hàng trăm bản sao từ một bản chính nếu trang bị  máy phô tô copy công chức Tư pháp chỉ phải đối chiếu bản chính sau đó phô tô và tiến hành đóng dấu sao y bản chính, vào số chứng thực và chuyển lãnh đạo ký chứng thực.

Do chia tách địa giới hành chính và một số phường tách ra làm hai do đó các phường bị tách thiếu công chức Tư pháp, công chức Tư pháp phải kiêm nhiệm theo nhiều nhiệm vụ. Một số trụ sở UBND phường trên địa bàn quận chưa được xây mới, tình trạng các phường mới thành lập trụ sở Ủy ban nhân dân phải đi mượn, một số trụ sở Ủy ban phường cũ chưa được đầu tư và cải tạo sủa chữa do đó Phòng tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính còn chật, hẹp, nóng bức không đảm bảo không khí mát mẻ khi công dân đến giao tiếp và chờ lấy kết quả nhất là vào mùa hè oi bức.

*Thứ hai,* Do trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, sự am hiểu pháp luật chứng thực, kinh nghiệm thực tiễn của một số đồng chí chủ tịch, phó chủ tịch và công chức tư pháp, công chức làm công tác tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính của một số phường còn hạn chế,( do môt số phường mới thành lập chủ tịch, phó chủ tịch mới bổ nhiệm, thiếu công chức Văn phòng, công chức Tư pháp mà chỉ có cán bộ Văn phòng, cán bộ Tư pháp làm hợp đồng) dẫn đến khi tiếp nhận hồ sơ hành chính một số công chức tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính do không biết phân loại hồ sơ xem hồ sơ yêu cầu chứng thực có thuộc thẩm quyền chứng thực của UBND phường không; dẫn đến hiện tượng tiếp nhận không đúng thẩm quyền; hướng dẫn công dân không đúng quy định và công dân phải đi lại nhiều lần gây bức xúc cho công dân.

Do trình độ của công chức thực hiện chứng thực: Một số cán bộ làm công tác chứng thực hạn chế về năng lực chuyên môn, kỹ năng giao tiếp và đạo đức công vụ, đắc biệt là trình độ ngoại ngữ của cán bộ làm công tác chứng thực.

*Thứ ba,* chế độ chính sách chưa được quan tâm để đảm bảo đời sống sinh hoạt đối với cán bộ làm công tác chứng thực; Theo Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chế độ bồi dưỡng, cấp trang phục đối với trưởng bộ phận, công chức, lao động hợp đồng làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết

thủ tục hành chính quy định: Đối với trưởng bộ phận và công chức làm việc chuyên trách tại UBND cấp xã được bồi dưỡng 0,6/người/tháng x mức lương tối thiểu và được cấp trang phục với mức chi phí 3.000.000 đồng đối với năm đầu; từ năm thứ hai trở đi là 1.500.000 đồng. Đối với công chức làm việc kiêm nhiệm và lao động hợp đồng tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính được bồi dưỡng 0,02/người/buổi x mức lương tối thiểu [77].

Thực tế cho thấy trên địa bàn quận Nam Từ Liêm có 05 phường có 02 công chức Tư pháp còn lại 05 phường có 1 công chức và 01 cán bộ làm hợp đồng do các phường thiếu công chức Tư pháp đã bố trí cán bộ Tư pháp làm hợp đồng làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Hồ sơ hành chính thực hiện công tác chứng thực để cùng với công chức tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức. Theo trình tự tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hành chính thuộc lĩnh vực chứng thực thì công chức Tư pháp thực hiện chứng thực vất vả , còn phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp giấy tờ văn bản chứng thực. Trong khi đó, chế độ bồi dưỡng một số phường lại không áo dụng như công chức tiếp nhận hồ sơ mà chỉ trả phụ cấp 0,02/buổi cho công chức tư pháp làm công tác chứng thực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính, Một số phường do thiếu công chức Tư pháp bố trí làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hành chính mà chỉ có cán bộ Tư pháp làm hợp đồng làm công tác chứng thực vì vậy cán bộ Tư pháp làm hợp đồng còn không có chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ gì.

Thực tiễn 05 phường trên địa bàn quận Nam Từ Liêm có bố trí cán bộ hợp đồng làm công tác chứng thực thì việc bố trí cán bộ Tư pháp đó không đảm bảo theo quy định vì cán bộ Tư pháp làm hợp đồng không chịu sự gằng buộc, chế tài của pháp luật khi vi phạm các quy định trong khi làm chứng thực đồng thời dễ phát sinh tiêu cực khi làm nhiệm vụ chứng thực.

## Tiểu kết chương

Trong giai đoạn đầu của quá trình chuyển đổi nền kinh tế, hoạt động chứng thực đã đạt được những kết quả quan trọng như đã tách bạch được hai hoạt động "công chứng" và "chứng thực", xây dựng được các quy định pháp luật về chứng thực đáp ứng được mong mỏi của người dân trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Bên cạnh những kết quả đạt được, Pháp luật về chứng thực còn bộc lộ những hạn chế, bất cập do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, gây ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động chứng thực, cũng như vai trò chứng thực trong đời sống xã hội. Ngoài những nguyên nhân chung dẫn đến những hạn chế bất cập trong hoạt động chứng thực thì ở các phường trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, Hà Nội còn có những nguyên nhân đặc thù riêng như ; nguyên nhân do chia tách địa giới hành chính, tách quận, tách phường người dân từ nông thôn chuyển sang thành thị; trình độ dân trí một số dân còn thấp, nhận thức, ý thức pháp luật còn hạn chế; thiếu cơ sở hạ tầng để phục vụ cho hoạt động chứng thực; trình độ, chất lượng công chức làm công tác chứng thực còn hạn chế; thiếu công chức Tư pháp; nguyên nhân do chưa thực sự quan tâm đến công tác chứng thực; do chế độ chính sách đối với công chức Tư pháp thực hiện chứng thực; do ảnh hưởng của tính duy tình, lối sống làng xóm, thân quen, họ hàng của người Việt Nam. Vì vậy với tình hình thực trạng, nguyên nhân hạn chế thực hiện công tác chứng thực tại 10 phường của quận Nam Từ Liêm, tác giả đề xuất đưa ra các quan điểm, giải pháp tăng cường chất lượng hoạt động chứng thực của Ủy ban nhân phường trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

# Chương 3
# QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CHẤT LƯỢNG CHỨNG THỰC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

## 3.1. Quan điểm tăng cường chất lượng chứng thực của Ủy ban nhân dân phường

Nâng cao chất lượng về chứng thực cần đảm bảo các quan điểm sau:

*3.1.1. Thống nhất chỉ đạo quản lý nhà nước về chứng thực từ Trung ương đến địa phương*

Thống nhất được hiểu là Đảng lãnh đạo về chủ trương đường lối, Nhà nước thể chế và thực hiện quản lý, đây là một điểm mang tính đặc thù rất riêng của Việt Nam. Đó là:

Đảng lãnh đạo bằng Nghị Quyết, bằng Chỉ thị. Trong hoạt động chứng thực Đảng đề ra những quan điểm chỉ đạo, định hướng tăng cường chất lượng trong hoạt động chứng thực, Đảng lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa các quan điểm chỉ đạo của Đảng thành các quy định pháp luật, làm cơ sở pháp lý cho việc kiện toàn, đổi mới tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động chứng thực theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chuyên chính, chí công vô tư, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân.

Thông qua công tác tổ chức cán bộ, Bộ Chính trị, Ban cán sự Đảng của các cơ quan tư pháp phải đặc biệt quan tâm chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức và tăng cường đội ngũ cán bộ tư pháp đủ về số lượng và mạnh về chất lượng; lãnh đạo công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, quản lý đội ngũ cán bộ chủ chốt của các cơ quan tư pháp. Nhằm mục tiêu hướng tới xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp là những người có quan điểm chính trị đúng đắn, tinh thông nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức trong sáng, liêm khiết, chí công vô tư và có lập trường vững vàng thượng tôn pháp luật.

Đảm bảo sự quản lý của Nhà nước: Nhà nước quản lý hoạt động chứng thực chủ yếu bằng pháp luật, tạo môi trường pháp lý, khung pháp luật cho hoạt động chứng thực. Thông qua pháp luật, Nhà nước đảm bảo hoạt động chứng thực đúng các quy định của pháp luật, đúng định hướng, đảm bảo ổn định trật tự, công bằng xã hội, khắc phục tình trạng tùy tiện, vô nguyên tắc gây mất ổn định xã hội. Trong hoạt động chứng thực Chính phủ thực hiện chức năng quản lý chung, Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ về quản lý theo ngành, UBND các cấp chịu trách nhiệm quản lý về hoạt động chứng thực tại địa phương mình. UBND các cấp thường xuyên quan tâm, chỉ đạo sự phối hợp giữa các tổ chức chính tri, tổ chức chính trị xã hội, giữa các ban, ngành, tổ chức ở địa phương, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị ở cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tư pháp trong đó có hoạt động chứng thực, góp phần thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển, giữ ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

*3.1.2. Đảm bảo nhu cầu chứng thực của người dân và pháp chế xã hội chủ nghĩa trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 đã khẳng định: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân [57]. Chính vì vậy, pháp luật trong Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam phải thể hiện được ý chí của Nhân dân mà người đại diện là tổ chức chính trị được nhân dân thừa nhận và đã trở thành nguyên tắc hiến định đó là - Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thực tế cho thấy những thành tựu của quá trình xây dựng hệ thống pháp luật Việt Nam trong hơn 20 năm qua gắn chặt với quá trình hoàn thiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng (thể hiện rõ nhất là Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 02/6/2015 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện pháp luật đến năm 2010, tầm nhìn 2020).

Trên lĩnh vực chứng thực, các quy định của pháp luật về chứng thực đã có sự phát triển, hoàn thiện là cơ sở cho hoạt động chứng thực được phát triển. Tuy nhiên, các quy định pháp luật về chứng thực còn nhiều hạn chế, bất cập (mới chỉ dừng lại ở Nghị định về chứng thực), chưa ngang tầm với pháp luật nội dung chuyên ngành có liên quan hiện diện với tư cách là Luật chuyên ngành.

*3.1.3. Nâng cao chất lượng chứng thực của Ủy ban nhân dân phường theo hướng cải cách hành chính và cải cách tư pháp*

Chứng thực là một hoạt động và là một thủ tục hành chính được thực hiện bởi các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ- CP. Tăng cường chất lượng về  hoạt động chứng thực của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các tổ chức hành nghề công chúng có mối quan hệ biện chứng với cải cách hành chính, cải cách tư pháp, đây là mối quan hệ giữa bộ phận và toàn bộ, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất, toàn diện; khắc phục tình trạng thiếu đồng bộ, chắp vá, bị động, nặng về giải pháp tình thế trong quá trình thực hiện cải cách. Tăng cường chất lượng về hoạt động chứng thực phải đặt trong nội dung tổng thể cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân mới được xem trọng đúng mức, đáp ứng kịp thời nhu cầu đổi mới của nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Đồng thời, thực hiện Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011- 2020, coi cải cách hành chính là một nhiệm vụ trọng tâm, một khâu đột phá trong việc xây dựng một nền hành chính hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn mới, đã tạo sự chuyển biến mang tính đột phá trong cuộc đấu tranh bảo vệ công lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong

giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Cải cách hành chính và cải cách tư pháp có mối quan hệ biện chứng với nhau, là mối quan hệ giữa bộ phận và toàn bộ. Để đáp ứng được mục tiêu của cải cách hành chính cần phải tiến hành cải cách tư pháp. Cải cách tổ chức và hoạt động tư pháp, bảo đảm mọi vi phạm đều bị xử lý, mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Củng cố, kiện toàn bộ máy cơ quan tư pháp, đổi mới tổ chức và hoạt động cơ quan có thẩm quyền thực hiện hoạt động chứng thực.

Cải cách hành chính trong lĩnh vực chứng thực đòi hỏi phải đơn giản và công khai hóa các thủ tục để bảo đảm thực hiện các quyền công dân mở rộng dân chủ; xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp thành bộ máy phục vụ nhân dân.

### 3.2. Các giải pháp tăng cường chất lượng chứng thực của Ủy ban nhân dân phường

*3.2.1. Đổi mới nhận thức về chứng thực của Uỷ ban nhân dân phường*

Như đã trình bày ở chương 1 của Luận văn, Công chứng do Luật Công chứng 2014 điều chỉnh, Chứng thực do Nghị định số 23/2015/NĐ - CP điều chỉnh. Do đó không nên đồng nhất hoạt động công chứng với hoạt động chứng thực.

Hoạt động công chứng và hoạt động chứng thực là hai lĩnh vực hoàn toàn khác nhau, khác về thẩm quyền (chủ thể thực hiện), khác về đối tượng, tính chất công việc và khác nhau về giá trị pháp lý.

Công chứng được hiểu là một tổ chức, văn bản được công chứng đảm bảo giá trị pháp lý cả về nội dung lẫn hình thức và có giá trị pháp lý cao hơn văn bản được chứng thực. Chứng thực là thuật ngữ chỉ hành vi diễn ra trong thực tế, chứng thực không phải là một tổ chức, chứng thực chỉ là một công việc hành chính thông thường của bất kỳ cơ quan tổ chức, cá nhân nào có thẩm quyền theo quy định của pháp luật được thực hiện. Chứng thực là chứng nhận sự việc là có thật, không đề cập đến nội dung, chủ yếu chú trọng về mặt

hình thức. Hoạt động công chứng là hoạt động có tính chất công, hoạt động hỗ trợ tư pháp; hoạt động chứng thực là hoạt động hành chính thông thường của các cơ quan hành chính nhà nước. Không thể quy định lẫn lộn giữa hoạt động hỗ trợ tư pháp với hoạt động hành chính của cơ quan nhà nước. Không nên đồng nhất giá trị pháp lý của văn bản được công chứng và văn bản được chứng thực.

*3.2.2. Hoàn thiện các văn bản pháp luật về chứng thực*

3.2.1.1. Xây dựng Luật chứng thực và các văn bản hướng dẫn thi hành

*(1) Xây dựng Luật chứng thực*

Đến nay, hoạt động chứng thực mới chỉ được điều chỉnh bằng nghị định của Chính phủ. Trong khi đó, một số lĩnh vực liên quan đến chứng thực lại được điều chỉnh bằng các luật, bộ luật (như Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Công chứng…). Do đó, mức độ tuân thủ, chấp hành pháp luật còn có sự khác nhau. Nhiều biện pháp cải cách hành chính trong lĩnh vực chứng thực của Chính phủ, nhất là biện pháp chống lạm dụng yêu cầu nộp bản sao chứng thực, chưa thực sự phát huy tác dụng. Vì vậy, trong thời gian tới, cần hoàn thiện pháp luật về chứng thực theo hướng ban hành một đạo luật riêng về chứng thực.

Ngoài ra, trong quá trình tổng kết thực hiện công tác chứng thực cần phát huy những mặt đạt được trong công tác chứng thực cũng như bất cập, hạn chế để nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật. Do những hạn chế về việc áp dụng không thống nhất, quy định của pháp luật chưa điều chỉnh toàn diện các hoạt động chứng thực. Cần đề cao tính dự liệu những trường hợp xảy ra trên thực tế để đưa vào Luật điều chỉnh.

Đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước bằng pháp luật và hội nhập, hợp tác kinh tế quốc tế thì hoạt động xây dựng pháp luật về chứng thực là vô cùng quan trọng và cấp bách. Hơn 60 năm hình thành và phát triển pháp luật về chứng thực của nước ta quy định về chứng thực mới chỉ dừng lại ở tầm Nghị

định. Thực tế cho thấy, có rất nhiều loại việc chứng thực khác nhau do chính quyền các cấp cũng như các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước thực hiện nhưng việc chứng thực những loại việc này phải tuân thủ theo trình tự, thủ tục như thế nào, giá trị pháp lý của những hành vi chứng thực này ra sao thì chưa được khẳng định. Đặc biệt, nhiều văn bản chứng thực được thừa nhận theo yêu cầu tự phát mà không có cơ sở pháp lý rõ ràng, chưa được điều chỉnh bằng pháp luật của Nhà nước. Chính vì vậy xuất hiện tình trạng mỗi cơ quan thực chứng thực một cách khác nhau đối với cùng một loại việc. Do đó, việc "luật hóa" các quy định về chứng thực là hết sức cần thiết, tạo cơ sở pháp lý cao cho việc giải quyết những vướng mắc trên. Khi xây dựng Luật Chứng thực phải đảm bảo tính kế thừa và tính lịch sử cụ thể. Điều đó có nghĩa là: phải kế thừa và phát huy những ưu điểm của Pháp luật về chứng thực hiện hành đồng thời khắc phục những tồn tại hạn chế của pháp luật hiện hành nhằm mục đích xây dựng Luật chứng thực phù hợp với tình hình và xu hướng phát triển của xã hội đảm bảo lợi ích của cá nhân, tổ chức đồng thời cũng phải đảm bảo giá trị pháp lý của văn bản, giấy tờ được chứng thực ngang tầm với giá trị của văn bản giấy tờ được công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng. Cụ thể như sau:

Luật chứng thực cần nêu được khái niệm chung về chứng thực, quy định cụ thể phạm vi, đối tượng điều chỉnh. Ngoài các hành vi chứng thực theo pháp luật hiện hành thì cần đưa một số việc mà cơ quan nhà nước vẫn thực hiện xác nhận theo yêu cầu của người dân như xác nhận hồ sơ vay vốn, sơ yếu lý lịch, lời khai sự kiện, kê khai thu nhập, xác nhận nơi cư trú, xác nhận quan hệ nhân thân, quan hệ huyết thống...; thẩm quyền và trách nhiệm giải quyết đối với từng loại việc chứng thực; trình tự, thủ tục giải quyết….; nghiên cứu mối quan hệ giữa pháp luật về chứng thực và pháp luật chứng thực chữ ký số, chứng thực lưu trữ. Hình thức xử lý vi phạm đối với các trường hợp chứng thực không đúng với quy định của pháp luật: sai trình tự thủ tục, trái thẩm quyền… Khi xây dựng Luật

Chứng thực cần tính tới đặc thù công tác của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Khi xây dựng luật Chứng thực thì việc chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký giao thẩm quyền cho công chức Tư pháp cấp huyện, xã ký chứng thực.

*(2) Ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về chứng thực*

Cùng với việc xây dựng và ban hành Luật Chứng thực cần phải ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định, Thông tư, Công văn hướng dẫn…) hướng dẫn thực hiện Luật chứng thực để đảm bảo hoạt động chứng thực được duy trì ổn định, đồng bộ và thống nhất.

Luật Chứng thực là do Quốc hội xây dựng và ban hành. Song để Luật Chứng thực đi vào cuộc sống của người dân thì các điều luật đó phải phù hợp với thực tế tình hình phát triển của đất nước và tiếp nhận của người dân. Đồng thời để người dân hiểu rõ các Điều Luật hơn thì các Điều Luật đó phải được cụ thể hóa bởi các văn bản dưới Luật là Nghị định và Thông tư. Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Chính Phủ có trách nhiệm xây dựng và ban hành Nghị định hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật. Bộ Tư pháp là cơ quan chuyên ngành có trách nhiệm ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật và Nghị định. UBNB thành phố chỉ đạo Sở Tư pháp tổng hợp các kiến nghị từ các địa phương trên địa bàn làm cơ sở kiến nghị với Chính phủ, Bộ Tư pháp ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động chứng thực; Chủ tịch UBND thành phố ban hành các Quyết định điều chỉnh và cụ thể hóa hoạt động chứng thực trên địa bàn thành phố mình quản lý. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện phải thường xuyên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động chứng thực của UBND cấp xã; chỉ đạo việc tổ chức thực hiện hoạt động chứng thực; theo dõi, nắm bắt kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các văn

bản điều chỉnh hoạt động chứng thực, kịp thời hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về chứng thực và giải đáp những khó khăn, vướng mắc.

Để pháp luật về chứng thực đi vào cuộc sống, cần đẩy nhanh việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về chứng thực cũng như ban hành văn bản hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ như: biên soạn các tài liệu nghiệp vụ, kiến thức pháp luật phổ thông cấp phát cho đội ngũ công chức.... tạo hành lang vững chắc, đồng bộ và thống nhất cho hoạt động chứng thực. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về chứng thực phải đảm bảo tính kế thừa có chọn lọc, phát huy những mặt tích cực, sửa đổi, bổ sung những quy định không còn phù hợp.

*3.2.3. Nâng cao chất lượng tổ chức thực hiện pháp luật về chứng thực*

3.2.3.1. Ban hành kịp thời những văn bản hướng dẫn nghiệp vụ chứng thực

Phòng Tư pháp quận phải thường xuyên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động chứng thực của UBND phường; chỉ đạo việc tổ chức thực hiện hoạt động chứng thực theo quy định của pháp luật; theo dõi, nắm bắt kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các văn bản điều chỉnh hoạt động chứng thực; kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về chứng thực và giải đáp những khó khăn, vướng mắc của UBND các phường trong quá trình triển khai thực hiện; Tổng hợp ý kiến, báo cáo với Sở Tư pháp về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện pháp luật về chứng thực trên địa bàn quận.

Như vậy để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về chứng thực trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, Phòng Tư pháp quận cần thường xuyên theo dõi việc thi hành pháp luật tại UBND phường trên địa bàn quận để kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ, tạo hành lang vững chắc, đồng bộ và thống nhất cho hoạt động chứng thực trên toàn quận.

3.2.3.2. Chỉ đạo, bố trí, sắp xếp hoạt động chứng thực

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền cơ sở trong chỉ đạo và tổ chức thực thực hiện nhiệm vụ chứng thực vì hiện nay vẫn còn một số UBND phường chưa thật sự quan tâm, coi trọng công tác chứng thực, chưa bố trí công chức làm công tác chứng thực phù hợp với năng lực, trình độ để tránh sai sót khi thực hiện chứng thực của các cán bộ phụ trách chứng thực.

Tuyển dụng công chức Tư pháp cho các phường mới tách còn thiếu cán bộ. Các phường còn lại như Đại Mỗ, Tây Mỗ, Trung Văn, Mỹ Đình 1 bố trí 03 công chức Tư pháp mới đảm bảo thực thi nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, công tác chỉ đạo, bố trí, sắp xếp hoạt động chứng thực phải thống nhất và cần có sự phối hợp của các bộ phận khác trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND phường. Chỉ đạo hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và năng lực, kỹ năng của các cán bộ phụ trách hoạt động chứng thức. Chỉ đạo các hoạt động thanh tra kiểm tra, giám sát thực hiện hoạt động chứng thực tại các bộ phận một cửa của các phường trên địa bàn quận Nam Từ Liêm…

Công tác chứng thực đó là hoạt động nhằm phục vụ nhu cầu của công dân, việc từng bước giao cho các tổ chức cá nhân có điều kiện thực hiện để Nhà nước giảm tải công việc là hết sức cần thiết. Việc hoàn thiện pháp luật theo hướng nếu bản dịch do cá nhân có đủ điều kiện dịch thuật hoặc thành viên của các tổ chức có tư cách pháp nhân dịch thuật thực hiện, có chữ ký của người dịch, thì không cần cơ quan có thẩm quyền chứng thực chữ ký của người dịch .

Việc giao cho các cá nhân, tổ chức dịch thuật là cần thiết, tuy nhiên vẫn cần có quy định chặt chẽ để nhà nước quản lý các cá nhân, tổ chức dịch thuật. Qua đó vừa thực hiện mục tiêu nhằm giảm tải công việc của nhà nước, đáp ứng nhu cầu của công dân đồng thời bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả và đáp ứng được mục tiêu quản lý của các cơ quan liên quan đến hoạt động này.

3.2.2.3. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chứng thực

Quản lý nhà nước bằng pháp luật, đòi hỏi phải triển khai mạnh mẽ công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật; huy động lực lượng của các đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp, các phương tiện thông tin đại chúng tham gia các đợt vận động; thiết lập trật tự, kỷ cương và thường xuyên xây dựng nếp sống: Sống và làm việc theo pháp luật trong cơ quan nhà nước và trong toàn xã hội. Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về chứng thực cho người dân là việc làm hết sức cần thiết trong quản lý nhà nước về chứng thực nhằm hình thành và nâng cao văn hoá pháp lý tiến bộ cho người dân. V.I. Lê nin đã từng chỉ rõ: Tuyên truyền là cần thiết và chúng ta không nên sợ phải lặp đi lặp lại… Và nếu chúng ta nghĩ rằng chúng ta đã quá chú ý nhiều đến việc tuyên truyền, thì cần nói rằng chúng ta còn phải làm việc đó nhiều hơn gấp trăm lần nữa [87]. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chứng thực là tiền đề để thực hiện và áp dụng các quy định pháp luật về chứng thực trong thực tiễn cuộc sống một cách thống nhất, đồng bộ và có hiệu quả. Do đó, việc tăng cường hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các quy định pháp luật về chứng thực đòi hỏi phải tiến hành các biện pháp sau:

- Xây dựng, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật thực sự có năng lực pháp lý vững chắc và phẩm chất chính trị vững vàng, có năng khiếu tuyên truyền. Đây là chủ thể cơ bản và quan trọng nhất quyết định đến chất lượng và hiệu quả của công tác tuyên truyền pháp luật.

- Xây dựng kế hoạch và chương trình tuyên truyền, phổ biến nội dung các quy định pháp luật về chứng thực phù hợp với tình hình thực tiễn từng địa phương nhằm đảm bảo được mục đích của pháp luật về chứng thực.

- Khuyến khích việc tham gia, góp ý kiến của Nhân dân vào các hoạt động xây dựng, hoàn thiện các quy định pháp luật về chứng thực. Tăng cường giao lưu, thảo luận, trao đổi, đối thoại trực tiếp giữa cơ quan Nhà nước và người dân

để từng bước sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định pháp luật về chứng thực.

- Chính quyền địa phương, Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các thành viên của Mặt trận chủ động tăng cường các biện pháp và hình thức tuyên truyền, vận động nhân dân ở địa phương, chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về chứng thực và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Đối tượng tuyên truyền: Toàn thể nhân dân sống trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, bao gồm:

Tất cả cán bộ, công chức ở các ngành, các vị trí công tác thông qua việc đào tạo, phổ biến giáo dục tại cơ quan, đơn vị một cách thường xuyên, với nhiều hình thức khác nhau, phù hợp với điều kiện công việc của từng cấp, từng cơ sở, khu vực địa bàn hoạt động.

Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động chứng thực, các cơ quan nhà nước có liên quan thì tuyên truyền bằng nhiều hình thức, như: báo hình, báo viết, báo điện tử, trang thông tin pháp luật (Website), phát "tờ rơi" về các loại hình thủ tục hành chính trong hoạt động chứng thực. Trong đó, đưa nội dung phổ biến các quy định pháp luật về chứng thực vào các hội nghị chuyên đề và hội nghị liên ngành là việc làm cần thiết và cấp bách.

Trên cơ sở yêu cầu của công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật Chính quyền địa phương cần phải đầu tư thêm ngân sách cho việc xây dựng các loại hình tuyên truyền, phát huy tốt thế mạnh trong việc tuyên truyền và giáo dục pháp luật. Hệ thống loa truyền thanh của quận, phường phải phủ sóng đến được khắp các địa bàn, và phát sóng vào thời điểm dễ tiếp cận trong ngày để người dân tiếp thu được thông tin.

Tại các phường, Ban văn hóa thông tin phường cần xây dựng bản tin pháp luật của phường, lịch phát sóng bản tin pháp luật của phường vào một thời điểm phù hợp trong ngày để toàn dân có thể tiếp nhận được. Qua nghiên

cứu thực tế cho thấy bản tin thông tin pháp luật được phát hành vào sáng sớm và chiều tối là hiệu quả nhất.

*3.2.4. Xây dựng đội ngũ công chức Tư pháp thực hiện chứng thực trên địa bàn các phường theo hướng chuyên nghiệp*

Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, công chức làm công tác chứng thực; thường xuyên tiến hành kiểm tra thanh tra để phát huy những mặt tích cực và hạn chế, khắc phục những sai sót.

Khẩn trương xây dựng, quy hoạch, đào tạo đội ngũ công chức Tư pháp thực hiện chứng thực trên địa bàn các phường tại quận Nam Từ Liêm theo đúng tinh thần Quyết định số 172/QĐ-BTP ngày 20 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về ban hành chương trình công tác của ngành tư pháp năm 2012 đã đưa ra những định hướng phát triển toàn ngành tư pháp trong đó nhấn mạnh về công tác nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tư pháp. Việc xây dựng và triển khai quy hoạch đội ngũ cán bộ Tư pháp thực hiện chứng thực đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cải cách tư pháp đến năm 2020 là một yêu cầu cấp thiết. Trên cơ sở rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ công chức Tư pháp và căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, Phòng Tư pháp quận phối hợp với các đơn vị có liên quan và các UBND phường xây dựng quy hoạch đội ngũ công chức Tư pháp phuòng, trình uỷ ban nhân dân quận Nam Từ Liêm phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt. Đồng thời cần phải thực hiện trên các mặt sau:

*Thứ nhất*, quy hoạch công chức thực hiện chứng thực tại các phường xác định theo mốc thời gian đến năm 2020 định hướng đến năm 2025 để bảo đảm xây dựng đội ngũ cán bộ trước mắt cũng như lâu dài, tạo cơ sở để xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hiện có và đào tạo bổ sung.

*Thứ hai,* cần bố trí đội ngũ công chức Tư pháp thực hiện chứng thực ở các phường trên địa bàn quận Nam Từ Liêm đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và đúng tiêu chuẩn để thực hiện nhiệm vụ được giao liên quan đến hoạt động chứng thực và tác nghiệp khác.

Quận Nam Từ Liêm là một quận nội thành của Thành phố Hà Nội, cán bộ công chức Tư pháp phường phải có đầy đủ trình độ theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn.

*Thứ ba*, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ là khâu then chốt có ý nghĩa quyết định trong việc kiện toàn nâng cao chất lượng đội ngũ công chức Tư pháp. Tuy nhiên, việc đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ này của các phường thuộc quận Nam Từ Liêm không thể giải quyết một sớm, một chiều, đốt cháy giai đoạn; hơn nữa, đội ngũ cán bộ ở các phường trình độ không đồng đều nên phải có bước đi, hình thức phù hợp với từng đối tượng, điều kiện thực tế của từng phường.

Trước hết, trên cơ sở quy hoạch cán bộ, các địa phương cần xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ phù hợp với từng loại đối tượng cán bộ hiện có, theo hình thức tập trung hoặc không tập trung về quản lý hành chính, lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên sâu chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức pháp luật đối với cán bộ làm công tác chứng thực và cán bộ lãnh đạo thực hiện quản lý Nhà nước về chứng thực.

*Hai là,* thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng theo chuyên đề để cập nhật các kiến thức, thông tin mới về văn bản quy phạm pháp luật, về công tác tư pháp và cải cách tư pháp, đặc biệt, trong điều kiện mở rộng hội nhập hiện

nay. Tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ như soạn thảo văn bản; phổ biến, giáo dục pháp luật, hoà giải… để nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ công chức Tư pháp nói chung nói chung và công chức Tư pháp thực hiện chứng thực nói riêng.

*Ba là,* thực hiện sự phân công, phân cấp trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ công chức Tư pháp; quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác đào tạo, bồi dưỡng để bảo đảm cho công tác này được thực hiện thường xuyên, chủ động và hiệu quả.

*Thứ tư,* Trong hoạt động quản lý và tuyển dụng công chức đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức phải có các tiêu chuẩn đạo đức về nghề nghiệp phù hợp với đặc thù của mình để bảo đảm cho hoạt động quản lý nhà nước có hiệu quả. Đạo đức công vụ trong khi thực thi hoạt động chứng thực là sự thể hiện việc đáp ứng yêu cầu chứng thực một cách đầy đủ, nhanh chóng và phù hợp các quy định của pháp luật. Đạo đức công vụ còn được thể hiện trong giao tiếp, ứng xử với đồng nghiệp, cá nhân, tổ chức và sự vận dụng, áp dụng các quy định của pháp luật vào việc thực hiện hoạt động chứng thực.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chứng thực đòi hỏi đội ngũ cán, bộ công chức phải thực thực hiện đúng pháp luật, phải thật sự khách quan, trung thực, không thiên vị, không vì lợi ích cá nhân, sự quen thân làm ảnh hưởng đến lợi ích người khác, không chứng thực các hồ sơ chứng chỉ trái pháp luật. Cán bộ công chức phải coi trọng uy tín của mình đối với công việc chuyên môn, không thực hiện những hành vi làm tổn hại đến danh dự cá nhân, thanh danh nghề nghiệp, không sử dụng trình độ chuyên môn, hiểu biết của mình trong công việc để trục lợi, gây thiệt hại cho xã hội.

*Thứ năm,* có chính sách khuyến khích, động viên, hỗ trợ cho công chức tư pháp các phường học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đồng thời có chính sách thu hút sinh viên được đào tạo chính quy có bằng tốt

nghiệp loại giỏi đại học Luật, bằng thạc sĩ chuyên ngành luật về làm việc tại các phường quận Nam Từ Liêm.

Thực hiện nghiêm túc các chế độ làm ngoài giờ, ngày làm việc thứ bảy và phụ cấp đối với đội ngũ cán bộ công chức thực hiện chứng thực.

Ủy ban nhân dân quân Nam Từ Liêm xây dựng chính sách, chế độ đãi ngộ thu hút, tuyển dụng nhân tài công tác chứng thực; kiểm điểm cán bộ, công chức theo định kỳ; triển khai có hiệu quả chương trình phòng chống tham nhũng, chương trình cải cách hành chính trong đó có nội dung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, chương trình cải cách tư pháp. Thực hiện khen thưởng những cán bộ, công chức có thành tích cao trong công tác chứng thực, tuyên dương những tấm gương có đạo đức đồng thời kỷ luật, xử lý nghiêm khắc đối với những cán bộ công chức vi phạm pháp luật và vi phạm các quy tắc đạo đức khi thực thi công vụ.

*3.2.5. Tập trung cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động chứng thực*

Nghị định số 23/2015/NĐ-CP đã thể hiện rất rõ tính thần cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động chứng thực. Tuy nhiên, để cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng thực tại các UBND phường trên địa bàn quận Nam Từ Liêm cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

- Thực hiện tốt cơ chế một cửa liên thông trong tiếp nhận thủ tục hành chính; cập nhật đầy đủ hồ sơ tiếp nhận, giải quyết lên phần mềm điện tử "Một cửa";

- Thực hiện mô hình dịch vụ hành chính công đối với thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính với mức độ 4.

- Bố trí đủ công chức làm công tác chứng thực có trình độ, chuyên môn, am hiểu pháp luật, tinh thông nghiệp và kỹ năng giao tiếp, có đạo đức công vụ làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả Hồ sơ hành chính.

- Xây dựng trụ sở mới cho các phường mới tách và cải tạo sửa chữa đầu tư các phường có trụ sở đã lâu năm, xuống cấp, đặc biệt trang bị, đầu tư

thiết bị  cho phòng làm việc của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hành chính. Diện tích tối thiểu phòng làm việc của Bộ phận tiếp nhận trả kết quả hồ sơ hành chính có diện tích 40m$^2$.

- Trang bị máy photocopy, máy Pax, máy tính, máy in, máy Scan, máy điều hòa nhiệt độ hiện đại chất lượng tốt phục vụ cho hoạt động chứng thực để đảm bảo tính chính xác, hiệu quả.

- Lắp đặt hệ thống camera giám sát tại các bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hồ sơ hành chính của 10 phường để theo dõi, giám sát tình hình hoạt động, tác phong làm việc của cán bộ, công chức khi phục vụ nhân dân để kịp thời phát hiện, xử lý tiêu cực, nhũng nhiễu của cán bộ công chức trong công tác tiếp nhận các thủ tục hành chính nói chung và thủ tục chứng thực nói riêng.

*3.2.6. Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong hoạt động chứng thực*

Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra, giám sát đối với việc chấp hành, thực hiện pháp luật về thực hiện hoạt động chứng thực, các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, chỉ đạo của Sở Tư pháp Hà Nội, Phòng Tư pháp quận trong hoạt động chứng thực để phát hiện kịp thời, ngăn chặn những hạn chế, tiêu cực, vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức trong quá trình thực hiện hoạt động chứng thực. Đặc biệt là trình tự thủ tục, thời gian giải quyết, việc thu phí, lệ phí…

Hàng năm, UBND quận, Phòng Tư pháp quận tổ chức kiểm tra chuyên ngành đột xuất và kế hoạch kiểm tra định kỳ về hoạt động chứng thực tại các phường trên địa bàn để kịp thời phát hiện ra những sai sót để chấn chỉnh và rút kinh nghiệm kịp thời, hạn chế vi phạm kéo dài. Xử lý nghiêm minh, dứt điểm những đơn vị, cán bộ, công chức yếu kém, tiêu cực, vi phạm các quy định pháp luật về chứng thực đã được chỉ ra, bị dư luận phản ánh, nhưng dây

dưa, chậm sửa chữa, khắc phục để làm trong sạch, vững mạnh lực lượng cán bộ thực hiện chứng thực.

Giải quyết kịp thời  khiếu nại, tố cáo vi phạm các quy định pháp luật về chứng thực để tăng cường dân chủ, tăng cường hiệu quả giám sát giám sát thực hiện pháp luật từ phía các tổ chức, cá nhân, công dân, nhằm kịp thời phát hiện sơ hở, yếu kém, đồng thời, phát hiện tiêu cực, tham nhũng, gây phiền hà, sách nhiễu của cán bộ, công chức trong hoạt động chứng thực.

Kiểm tra giám sát thực thi công vụ của công chức thực hiện chứng thực, UBND quận, Phòng Tư pháp quận cũng cần kiểm tra việc thi hành pháp luật của UBND các phường về chính sách, chế độ đãi ngộ của Nhà nước đối với cán bộ công chức làm công tác chứng thực có được đảm bảo đầy đủ, kịp thời theo quy định không: chế độ tiền lương, phụ cấp, bồi dưỡng trách nhiệm, chế độ làm ngày thứ bảy… để chấn chỉnh kịp thời đảm bảo quyền lợi của cán bộ công chức theo quy định.

## Tiểu kết chương

Trong công cuộc cải cách tổng thể nền hành chính nhà nước, cải cách tư pháp, Đảng và Nhà nước ta đã thực sự quan tâm đến hoạt động chứng thực đáp ứng được mong mỏi của người dân. Thủ tục chứng thực được tinh giản gọn nhẹ, thời gian thực hiện chứng thực được rút ngắn tối đa, thẩm quyền chứng thực được mở rộng và hoạt động chứng thực đã được xã hội hóa, không còn cảnh tượng người dân phải mất hàng ngày để xếp hàng công chứng, chứng thực. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn còn những bất cập hạn chế mà Đảng và Nhà nước cần sớm hoàn thiện và có định hướng đúng đắn phù hợp với tình hình thực tế. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu tại chương 1 và chương 2, tác giả mạnh dạn đưa ra quan điểm hoàn thiện và giải pháp hoàn thiện pháp luật và thực thi pháp luật về chứng thực-qua thực tiễn trên địa bàn quận Nam Từ Liêm.

# KẾT LUẬN

Với đề tài Luận văn "Chứng thực của UBND phường từ thực tiễn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội" tác giả đã khái quát một cách tổng quát hoàn chỉnh về cơ sở lý luận về chứng thực của UBND phường; thực trạng hoạt động chứng thực của UBND phường - qua thực tiễn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; quan điểm và giải pháp hoàn thiện pháp luật và thực thi pháp luật về chứng thực - thực tiễn UBND phường trên địa bàn quận Nam Từ Liêm. Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động chứng thực trong tình hình mới, các cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương cần phải vào cuộc đồng bộ. Thành công của cải cách tư pháp nói chung và cải cách trong hoạt động chứng thực nói riêng góp phần đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của người dân cũng như góp phần nâng cao dân trí, cải thiện đời sống nhân dân, thúc đẩy KT-XH phát triển theo hướng bền vững. Thực trạng hoạt động chứng thực tại quận Nam Từ Liêm  trong những năm vừa qua cho thấy ngành tư pháp đã có nhiều nỗ lực về lĩnh vực này. Hoạt động chứng thực cũng như các quy định văn bản pháp luật chứng thực đã phát triển vượt bậc và dần hoàn thiện góp phần vào sự phát triển KT-XH trong công cuộc đổi mới đất nước. Tuy nhiên, trong lĩnh vực này vẫn còn bộc lộ nhiều yếu kém, hạn chế: Hệ thống các văn bản pháp quy thiếu đồng bộ, chậm được sửa đổi, bổ sung; trong triển khai và áp dụng các quy định pháp luật về chứng thực còn nhiều hạn chế; công tác tuyển dụng công chức tư pháp, nâng cao trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ công chức chưa thực sự đem lại hiệu quả; công tác thanh tra kiểm tra, giám sát còn chưa đảm bảo đúng yêu cầu. Ngoài ra, một số cơ quan có trách nhiệm còn buông lỏng quản lý. Nâng cao hiệu quả hoạt động chứng thực tại Việt Nam nói chung và quận Nam Từ Liêm nói riêng hiện nay là một yêu cầu tất yếu khách quan và cấp bách nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chiến lược đổi mới tổ chức hoạt động, nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, thực hiện

đường lối của Đảng trong công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Luận văn đã đưa ra những quan điểm, giải pháp và mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động chứng thực qua đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng về chứng thực và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về chứng thực qua thực tiễn quận Nam Từ Liêm trong giai đoạn hiện nay.

# DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO


1. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48- NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020,* Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2011), *Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính Phủ ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011- 2020*, Hà Nội.
4. Bộ Nội Vụ (2012), *Thông tư số 06/2012/TT- BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội Vụ về hướng dẫn chức trách tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn*, Hà Nội.
5. Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp (2015), *Thông tư liên tịch số 158/TTLT-BTC- BTP ngày 12/10/2015 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch*, Hà Nội.
6. Bộ Tài chính (2016), *Thông tư liên tịch số 226/2016 TTLT-BTC ngày 11/11/2016 của bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thưc,* Hà Nội.
7. Bộ Tư pháp (2015), *Thông tư số 20/2015/NĐ- BTP ngày 29/12/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ- CP ngày 16/02/2015 của Chính Phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch*, Hà Nội.
8. Bộ Tư pháp (2008), *Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 79/2007/NĐ- CP*

*ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký*, Hà Nội.

9. Bộ Tư pháp (2012), *Báo cáo tổng kết 06 năm thực hiện Luật Công chứng và 05 năm thực hiện Nghị định 79/2007/ NĐ – CP, Lưu hành nội bộ.*
10. Bộ Tư pháp (2012), *Quyết định số 172/QĐ-BTP ngày 20 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về ban hành chương trình công tác của ngành tư pháp năm 2012,* Hà Nội.
11. Bộ Tư pháp (2013), *Thông tư số 20/2013/TT- BTP ngày 03/12/2013 hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành tư pháp,* Hà Nội.
12. Bộ Tư pháp (2016), *Quyết định số 1088 ngày 18/5/2016 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng của Bộ Tư pháp,* Hà Nội.
13. Bộ Tư pháp (2017), *Công văn số 273/BTP-HCTP về việc thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính,* Hà Nội.
14. Bộ Tư pháp (2018), *Quyết định số 1024 ngày 09/05/2018 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng của Bộ Tư pháp,* Hà Nội.
15. Bộ Tư pháp và Bộ tài chính (2008), *Thông tư số 92/2008/TTLT- BTC-BTP của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực,* Hà Nội.
16. Bộ Tư pháp (2015), *Thông tư số 20/2015/TT - BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 23/2015/NĐ - CP*
17. Chính phủ (2000), *Chương trình cải cách tổng thể hành chính nhà nước giai đoạn 2001- 2010,* Hà Nội.

18. Chính phủ (2000), *Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 về công chứng, chứng thực*, Hà Nội.
19. Chính phủ (2001), *Chỉ thị số 01/2001/CT-TTg ngày 05/3 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị định 75/2000/NĐ-CP*, Hà Nội.
20. Chính phủ (2003), *Nghị định 134/2003/NĐ- CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính*, Hà Nội.
21. Chính phủ (2006), *Nghị định số 76/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp*, Hà Nội.
22. Chính phủ (2007), *Nghị định số 79/2007/NĐ- CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính*, Hà Nội.
23. Chính phủ (2009), *Nghị định số 92/2009/NĐ- CP ngày 22/10/2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn*, Hà Nội.
24. Chính phủ (2009), *Nghị định số 88/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/10/2009 về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*, Hà Nội.
25. Chính phủ (2010), *Chương trình cải cách tổng thể hành chính nhà nước giai đoạn 2011- 2020*, Hà Nội.
26. Chính phủ (2011), *Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn*, Hà Nội.
27. Chính phủ (2012), *Nghị định số 04/2012/NĐ-CP ngày 18/5/2007, sửa đổi, bổ sung điều 5 của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính*, Hà Nội.

28. Chính phủ (2012), *Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực*, Hà Nội.
29. Chính Phủ (2013), *Nghị định số 81/2013/NĐ- CP ngày 19/7/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính*, Hà Nội.
30. Chính Phủ (2015), *Nghị định số 23/2015/NĐ- CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch*, Hà Nội.
31. Chính phủ (2018), *Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ: về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính*, Hà Nội.
32. Chủ tịch Chính Phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa (1945), *Sắc lệnh số 59 ngày 15/11/1945 về việc ấn định thể lệ về việc thị thực các giấy tờ.*
33. Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1952), *Sắc lệnh số 85/SL ngày 29/02/1952*.
34. Cộng hoà Liên bang Đức (1969), *Luật ngày 28.9.1969 về công chứng.*
35. Cục hộ tịch, quốc tịch, chứng thực (2015), *Công văn số 1352/HTQTCT-CT ngày 10/3/2015 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ- CP*, Hà Nội.
36. Cục hộ tịch, quốc tịch, chứng thực (2015), *Công văn số 2421/HTQTCT-CT ngày 11/5/2015 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ- CP*, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49- NQ/TW ngày 02/6/2005 của Ban chấp hành Trung Ương về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020,* Hà Nội.

39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

41. HĐND thành phố Hà Nội (2009), *Nghị quyết 13/2009/NQ - HĐND ngày 11/12/2009 của HĐND thành phố Hà Nội khóa VIII Kỳ họp thứ 19 về việc ban hành quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Hà Nội.

42. HĐND thành phố Hà Nội (2016), *Nghị quyết số 20/2016 /NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà nội ba hành vè một số quy định thu phí, lệ phí tren địa bàn thành phố hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND thành phố Hà Nội.*

43. Hội đồng Bộ trưởng (1991), *Nghị định số 45- HĐBT ngày 27/02/1991 về tổ chức và hoạt động công chứng Nhà nước*.

44. Đặng Văn Khanh (2000), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc xác định phạm vi, nội dung hành vi công chứng, chứng thực và giá trị pháp lý của văn bản công chứng, chứng thực ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sỹ, Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.

45. Hà Linh (2008), "Một số bất cập về cấp bản sao, chứng thực bản sao và chứng thực chữ ký", *Tạp chí Dân chủ và pháp luật.* Bộ Tư pháp, (8), tr. 60 - 61.

46. Phạm Văn Lợi (2004), "Công chứng, chứng thực ở Việt Nam, thực trạng và định hướng phát triển", *Tạp chí Dân chủ và pháp luật.*

47. Uông Chu Lưu (Chủ nhiệm), *Cải cách tư pháp trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân,* Đề tài khoa học cấp Nhà nước KX 04-06, Bộ Tư pháp, Hà Nội.
48. Trần Ngọc Nga (1996), *Quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực; công chứng nhà nước, những vấn đề lý luận và thực tiễn ở nước ta*, Luận văn Thạc sỹ.
49. Nguyễn Hải Ngân (2016), *Quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng thực tại UBND xã, thị trấn huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học – xã hội và nhân văn.
50. Phòng Tư pháp (2014), *Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2014,* Hà Nội.
51. Phòng Tư pháp (2015), *Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2015,* Hà Nội.
52. Thang Văn Phúc (2001), *Cải cách hành chính nhà nước, thực trạng, nguyên nhân và giải pháp,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
53. Nguyễn Phan Quang và tập thể tác giả (2000), *Mấy vấn đề về quản lý nhà nước và củng cố pháp quyền trong lịch sử,* Nxb Chính trị quốc gia.
54. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật tổ chức chính quyền địa phương*, Hà Nội.
55. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), *Luật công chứng*, Hà Nội.
56. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Hà Nội.*
57. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.

58. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Luật đất đai,* Hà Nội.
59. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Luật Nhà ở,* Hà Nội.
60. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật công chứng,* Hà Nội.
61. Sở Tư pháp (2015), *Công văn số 3081/STP- HCTP ngày 14/10/2015 về việc giải đáp một số khó khăn, vướng mắc trong việc thi hành Nghị Định số 23/2015/NĐ- CP*, Hà Nội.
62. Sở Tư pháp Hà Nội (2008), *Cẩm nang nghiệp vụ chứng thực dành cho cán bộ, công chức xã, Phường*
63. Sở Tư pháp Hà Nội (2013), *Cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ công tác hộ tịch và chứng thực cho cán bộ Tư pháp- Hộ tịch cấp xã*, Hà Nội.
64. Sở Tư pháp Hà Nội (2013), *Công văn số 681/STP- BTTP gửi Bộ Tư pháp xin ý kiến chỉ đạo về việc thực hiện Nghị định số 79/2007/NĐ- CP của Chính phủ về việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký,* Hà Nội.
65. Sở Tư pháp - Sở tài Nguyên và Môi trường (2013), *Hướng dẫn số 2128/HDLN- STP- STNMT ngày 28/8/2013 về việc hướng dẫn thực hiện việc công chứng, chứng thực các giao dịch về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Hà Nội.
66. Thành ủy Hà Nội (2011), *Chương trình số 08- CTr/TU ngày 18/10/2011 của Thành ủy về "Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm và chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2011 – 2015",* Hà Nội.

67. Tuấn Đạo Thanh (2006), "Các nguyên tắc đặc trưng của tổ chức và hoạt động công chứng", *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (9).

68. Vũ Thị Thảo (2015), *Đặc san tuyên truyền pháp luật số 02/2015- Chủ để pháp luật về chứng thực.*

69. Thủ tướng Chính Phủ (2014), *Chỉ thị số 17/CT- TTg ngày 20/6/2014 về một số biện pháp chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính,* Hà Nội.

70. Thuỵ Sĩ (2011), *Luật công chứng và chứng thực ngày 30.8.2011 của Bang Aargau.*

71. Phan Thủy (2008), "Tránh nhầm lẫn việc công chứng với chứng thực", *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, Bộ Tư pháp, (9), tr. 47 - 50.

72. Ngô Sỹ Trung (2010), Nghị định 79/2007/NĐ-CP, "Một bước tiến trong cải cách hoạt động chứng thực ở nước ta", *Tạp chí Tổ chức Nhà nước,* (3).

73. Đặng Văn Trường (2010), "*Quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực ở nước ta hiện nay và những vấn đề đặt ra",* Học viện hành chính, (168), tr. 47 - 50.

74. UBND thành phố Hà Nội (2009), *Quyết định số 5434/QĐ- UBND ngày 21/10/2009 về việc phân định thẩm quyền công chứng các hợp đồng giao dịch trên địa bàn thành phố Hà Nội,* Hà Nội.

75. UBND thành phố Hà Nội (2010), *Quyết định số 08/2010/QĐ- UBND ngày 25/01/2010 về việc thu phí, lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực trên địa bàn thành phố Hà Nộ*i, Hà Nội.

76. UBND thành phố Hà Nội (2010), *Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 30/3/2010 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc*

*thông qua phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn Thành phố*, Hà Nội.

77. UBND thành phố Hà Nội (2011), *Quyết đinh số 2492/QĐ- UBND ngày 02/6/2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chế độ bồi dưỡng, cấp trang phục đối với trưởng bộ phận, công chức, lao đông hợp đồng làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồsơ vàrả kết quả giải quyết thủ tụchành chính*, Hà Nội.
78. UBND thành phố Hà Nội (2012), *Quyết định 4322/QĐ-UBND năm 2012 công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ trong lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Hà Nội.
79. UBND thành phố Hà Nội (2012), *Quyết định số 4045/QĐ- UBND ngày 31/08/2011 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố thủ tục hành chính đang thực hiện tại cấp huyện trên địa bàn Thành phố Hà Nội*, Hà Nội.
80. UBND thành phố Hà Nội (2012), *Quyết định số 4046/QĐ- UBND ngày 31/08/2011 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố thủ tục hành chính đang thực hiện tại cấp xã trên địa bàn Thành phố Hà Nội*, Hà Nội.
81. UBND thành phố Hà Nội (2015), *Công văn số 2354/UBND- NC ngày 10/4/2015 về việc công chứng, chứng thực các hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất, nhà trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Hà Nội
82. UBND thành phố Hà Nội (2015), *Quyết định số 5117/QĐ-UBND ngày 8/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố TTHC lĩnh*

*vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn Thành phố Hà Nội*

83. UBND quận Nam Từ Liêm (2014), *Báo cáo số 237/BC-UBND ngày 25/11/2014 về kết quả công tác tư pháp năm 2014, phương hướng nhiệm vụ công tác tư pháp năm 2015,* Hà Nội.

84. UBND quận Nam Từ Liêm (2015), *Báo cáo số 284/BC-UBND ngày 28/10/2015 về kết quả công tác tư pháp năm 2015, phương hướng nhiệm vụ công tác tư pháp năm 2016,* Hà Nội.

85. UBND quận Nam Từ Liêm (2016), *Báo cáo số 137/BC-UBND ngày 27/5/2016 về công tác tư pháp 6 tháng đầu năm 2016 và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2016,* Hà Nội.

86. UBND quận Nam Từ Liêm (2017), *Báo cáo số 291/BC-UBND ngày 28/11/2017 về kết quả công tác tư pháp năm 2017, phương hướng nhiệm vụ công tác tư pháp năm 2018,* Hà Nội.

87. V.I.Lênin (1970), *Bàn về pháp chế xã hội chủ nghĩa,* Nxb Sự thật, Hà Nội.

88. Văn phòng Quốc hội (1996), *Nghị định số 31/CP ngày 18/5/1996 về tổ chức và hoạt động công chứng Nhà nước*.

89. Viện ngôn ngữ học (1997), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.

90. Nguyễn Cửu Việt (chủ biên) (1997), *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội.